

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- *State Securities Commission of Vietnam*

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch Chứng
khoán TP HCM/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**- *Vietnam Exchange/Ho Chi Minh Stock Exchange/Hanoi
Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/*BIDV Securities
Joint Stock Company*

Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: BSI/002

Địa chỉ/Address: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà ThaiHoldings, 210 Trần Quang Khải, Trảng Tiễn, Hoàn
Kiếm, Hà Nội/*Floor 8, 9 ThaiHoldings Building, 210 Tran Quang Khai, Trang Tien, Hoan Kiem,
Hanoi.*

Điện thoại/Tel: 024.39352722

Fax: 024.33816699

Email: ir@bsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Biên bản họp, Nghị quyết và các tài liệu kèm theo của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm
2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

*The meeting minute, resolution and attached documents of the General Meeting of Shareholders
in 2025 of BIDV Securities Joint Stock Company.*

3. Thông tin này đã được công bố trên **trang thông tin điện tử của công ty** vào ngày *18/4/2025* tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

This information was published on the company's website on April 18, 2025, as in the link: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Văn bản liên quan đến nội dung công bố thông tin/*Document related to the content of disclosure*

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN DUY VIỄN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: 01/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 04 năm 2025 tại Viện Đào tạo và nghiên cứu BIDV, 773 Hồng Hà, phường Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, tầng 9, Tòa nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Mã số doanh nghiệp: 0101003060, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 28/08/2024) đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ("Đại hội"/"ĐHĐCĐ").

A. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Trình bày nội dung các báo cáo và tờ trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo thông báo mời họp đã gửi tới các cổ đông, cụ thể:

- a) Báo cáo của Hội đồng quản trị ("HDQT") về tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025;
- b) Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2024;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát ("BKS") về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025;
- d) Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2025;
- e) Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025;
- f) Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;
- g) Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC;
- h) Tờ trình ĐHĐCĐ về Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2024 và Dự toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025;
- i) Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi Điều lệ và các văn bản quản trị điều hành của Công ty;
- j) Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- k) Tờ trình ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Thảo luận các nội dung đã trình bày ở Mục 1, thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm

và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026, tiến hành bầu thay thế Thành viên BKS thay thế (nhiệm kỳ 2021-2026).

3. Thông qua các nội dung còn lại tại Mục 1 và công bố kết quả bầu cử Thành viên BKS thay thế (nhiệm kỳ 2021-2026).

4. Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và bế mạc Đại hội.

B. DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành

Đại hội đã nghe Bà Lê Thị Phương Hoa – thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội được lập lúc 08h30 ngày 18/04/2025:

1. Tổng số cổ đông của Công ty: 6.565 cổ đông.

2. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty: 223.060.701 cổ phần.

3. Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 6.565 cổ đông, đại diện cho 223.060.701 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết).

4. Tổng số cổ đông hợp lệ tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự trực tiếp và cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự): 15 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 195.551.494 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 87,67% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”/“BSC”) là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

II. Tóm tắt diễn biến Đại hội

1. Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

Theo Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội đã thông qua danh sách thành viên Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

1.1. Đoàn Chủ tịch:

a) Ông Ngô Văn Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tọa

b) Ông Nguyễn Duy Viễn - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty: Thành viên

c) Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty: Thành viên

Kết quả biểu quyết:

+ Số cổ phần biểu quyết Tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;

+ Số cổ phần biểu quyết Không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;

+ Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch như trên.

1.2. Ban Thư ký Đại hội:

a) Ông Đỗ Văn Sơn – Thư ký Công ty

b) Bà Nguyễn Vũ Văn Anh – Chuyên viên Phòng Pháp chế

Kết quả biểu quyết:

+ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;

+ Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;

+ Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Ban Thư ký như trên.

1.3. Ban Kiểm phiếu:

Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đã thông qua danh sách thành viên Ban Kiểm phiếu gồm:

a) Bà Bùi Thị Hồng Nhung – Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Trưởng ban

b) Ông Đào Hải Anh – Chuyên viên cao cấp Phòng Hành chính nhân sự - Thành viên

c) Ông Hoàng Lê Sơn – Chuyên viên Văn phòng HĐQT – Thành viên

Kết quả biểu quyết:

+ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;

+ Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;

+ Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu như trên.

2. Nội dung Đại hội

2.1. Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội

Ông Nguyễn Duy Viễn – Thay mặt Đoàn Chủ tịch giới thiệu chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội.

Các ý kiến tham gia: Không có ý kiến tham gia khác.

Kết quả biểu quyết:

+ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;

+ Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;

+ Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội.

2.2. Trình bày các Tờ trình/Báo cáo:

a) Ông Ngô Văn Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng hoạt động năm 2025 và Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2024.

b) Bà Phạm Thanh Thùy – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025.

c) Ông Nguyễn Duy Viễn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

trình bày Báo cáo của Ban Điều Hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2025.

d) Ông Nguyễn Duy Viễn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về việc thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025.

e) Ông Lê Quang Huy – Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

f) Ông Phạm Xuân Anh – Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC.

g) Bà Ngô Thị Phong Lan – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi Điều lệ và các văn bản quản trị điều hành của Công ty.

h) Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2024 và Dự toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025.

i) Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

j) Bà Phạm Thanh Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

2.3. Thảo luận các nội dung tại Mục 2.2; biểu quyết thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026; tiến hành bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

2.3.1. Đại hội thảo luận các nội dung tại Mục 2.2. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Biên bản này)

2.3.2. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

a) Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 đối với Bà Kang Hec Joung.

b) Bầu thay thế 01 vị trí Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

Kết quả biểu quyết:

+ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 99,25%;

+ Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 1.485.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0,75%;

+ Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Tờ trình trên.

2.3.3. Bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

a) Thông qua Quy chế bầu cử thay thế Thành viên Ban Kiểm soát ("Quy chế bầu cử");

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế bầu cử.

b) Thông tin về kết quả đề cử, ứng cử: Ông Cho Sung Jae là ứng viên duy nhất được đề cử đề bầu thay thế tham gia Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC (theo đề cử của cổ đông lớn Hana Securities).

c) Đại hội tiến hành bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 theo Quy chế bầu cử đã được thông qua và kết quả được công bố tại Mục 2.5 Biên bản này.

2.4. Thông qua các Báo cáo, Tờ trình còn lại (không bao gồm Tờ trình tại Mục 2.3.2 Biên bản này):

2.4.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025, Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua các Báo cáo trên.

2.4.2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025:

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo trên.

2.4.3. Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo trên.

2.4.4. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với điều kiện thị trường (mức tăng trưởng và/hoặc quy mô thanh khoản thị trường,...) nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 nêu trên.

2.4.5. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

a) Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024:

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2024	Số tiền
1	Tổng tài sản	10.315.055.682.765
2	Vốn chủ sở hữu	5.061.881.530.671
	<i>Trong đó: Vốn Điều lệ</i>	<i>2.230.607.010.000</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	515.685.500.462
4	Lợi nhuận sau thuế	413.071.438.156

b) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Công thức/ ghi chú	Phân phối LNST 2024
I	Lợi nhuận năm 2024		413.071.438.156
II	Lợi nhuận còn lại các năm trước		366.090.851.498
III	Lợi nhuận chưa phân phối	(III) = (I) + (II)	779.162.289.654
IV	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		257.350.000

STT	Chỉ tiêu	Công thức/ ghi chú	Phân phối LNST 2024
V	Phương án phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	(1) = III - IV	778.904.939.654
2	Trích lập các quỹ	(2) = (2.1)	31.800.000.000
2.1	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(2.1)	31.800.000.000
2.2	<i>Tỷ lệ trích (so với Lợi nhuận chưa phân phối)</i>	(2.2) = (2.1)/(III)	4,08%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau trích quỹ và trả thù lao	(3) = (1) - (2)	747.104.939.654
4	Chi trả cổ tức (*)	(4) = (4.1) x (4.2)	223.060.701.000
4.1	<i>Vốn điều lệ tại 31/12/2024</i>		2.230.607.010.000
4.2	<i>Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)</i>		10%
VI	Tổng lợi nhuận còn lại	(VI) = (3) - (4)	524.044.238.654

Ghi chú: - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nghĩa vụ thuế cũng như lãi tính thuế ước tính của BSC chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán. Trường hợp số thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế, lợi nhuận để lại trên bảng số liệu trên có thể sẽ điều chỉnh lại tương ứng.

- (*): Số liệu này có thể được điều chỉnh, cập nhật theo số lượng cổ phiếu BSI đang lưu hành thực tế tại ngày chốt giao dịch hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức và tình hình xử lý cổ phiếu lẻ.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

c) Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

- **Tỷ lệ chi trả:** Dự kiến 10%/Mệnh giá cổ phiếu.
- **Hình thức chi trả:** Bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi trả phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quyền lợi của cổ đông.
- **Thời gian thực hiện:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức thành các đợt phù hợp.

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;

+ Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung trên.

2.4.6. Thông qua Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC:

a) Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện tại	:	2.230.607.010.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	:	22.306.070 cổ phiếu ^(*) (tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Tỷ lệ thực hiện quyền 10%.
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	223.060.700.000 đồng ^(*) (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba tỷ không trăm sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)
Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:	2.453.667.710.000 đồng ^(*)
Mục đích phát hành	:	Tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty
Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)
Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 thì cổ đông A được nhận là $111/10 \times 1 = 11,1$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới theo phương thức phát</i>

		<i>hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu là 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>
Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2025
Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định.

(*) Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.

b) Triển khai thực hiện:

- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

+ Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thực tế;

+ Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);

+ Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm: (i) sửa đổi/bổ sung Giấy phép hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (iii) đăng ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành;

+ Quyết định và thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Phương án đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số các công việc nêu trên.

Kết quả biểu quyết:

+ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;

+ Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;

+ Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung trên.

2.4.7. Thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2024 và Dự toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025:

a) Thông qua Báo cáo tình hình thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024:

- Đối với Thành viên HĐQT chuyên trách: 2,987 tỷ VND. Trong đó:

+ Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 2,563 tỷ VND (đã bao gồm thưởng KPI, chưa bao gồm thuế nhà thầu);

+ Bà Nguyễn Thanh Huyền – Thành viên chuyên trách HĐQT: 0,424 tỷ VND (bà Huyền được miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT từ ngày 23/04/2024);

+ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập và được công bố tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty.

- Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm: 257.350.000 VND. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VND)	Ghi chú
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
2	Ông Lim, Do Kyoan	Thành viên HĐQT độc lập	0	Từ chối nhận thù lao
3	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	41.350.000	Từ ngày 23/04 – 31/12/2024
4	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng BKS	60.000.000	
5	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên BKS	36.000.000	
6	Bà Kang, Hee Joung	Thành viên BKS	0	Từ chối nhận thù lao
Tổng cộng			257.350.000	

b) Thông qua Dự toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

- Đối với Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

+ Mức thù lao tối thiểu gồm lương vị trí, không phụ thuộc kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoàn thành nhiệm vụ (KPI) của nhân sự: 1,786 tỷ VND (tạm quy đổi theo tỷ giá 25.670 VND/USD);

+ Mức thù lao tối đa phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và KPI của nhân sự: 2,967 tỷ VND (với giá định cả Công ty và nhân sự đều hoàn thành 100% KPI). Mức thực tế dựa vào kết quả KPI của Công ty và KPI cá nhân của nhân sự nhưng đảm bảo không vượt quá 2,967 tỷ VND (tạm quy đổi theo tỷ giá 25.670 VND/USD).

* Ghi chú: Mức thù lao trên chưa bao gồm Thuế Nhà thầu và chênh lệch do thay đổi tỷ giá VND/USD (nếu có).

- Đối với Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập của BSC

- Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS không chuyên trách:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 VND/tháng;
 - Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 VND/tháng;
 - Trưởng Ban Kiểm soát: 5.000.000 VND/tháng;
 - Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 VND/tháng.

** Ghi chú: Các thành viên HĐQT và thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Hana Securities đề cử từ chối nhận thù lao.*

- Các khoản khen thưởng (nếu có) được hình thành từ lợi nhuận sau thuế (Quỹ khen thưởng phúc lợi), trợ cấp tham gia các cuộc hội họp ... thực hiện theo quy định nội bộ của BSC.

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung trên.

2.4.8. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ và các văn bản quản trị điều hành của Công ty:

a) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

- Cập nhật tên thương mại mới của tòa nhà nơi BSC đặt trụ sở chính: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. *(Thông tin mới về địa chỉ trụ sở của Công ty chỉ được cập nhật tại Điều lệ và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu có) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép).*

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty (và cho phép Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc) triển khai thực hiện các nội dung:

+ Hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc cập nhật địa chỉ trụ sở chính tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật;

+ Cập nhật thông tin mới về địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Điều lệ Công ty và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu cần) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp (i) Tòa nhà nơi BSC đặt trụ sở chính tiếp tục thay đổi tên thương mại; hoặc (ii) có sự điều chỉnh địa giới và sắp xếp, đổi tên đơn vị hành chính trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến điều chỉnh thông tin địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Chấp thuận cho Hội đồng quản trị được tiếp tục thực hiện các công việc nêu trên để thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính của BSC theo thực tế.

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác được cập nhật tại bản dự thảo Điều lệ đính kèm.

b) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

c) Giao Người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo các điểm sửa đổi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

d) Ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định các điều chỉnh cần thiết tại các văn bản trên, bao gồm các sửa đổi không mang tính trọng yếu, các sửa đổi mang tính cập nhật thông tin, các điều chỉnh phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan chức năng, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung trên.

2.4.9. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

a) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

b) Giao Người có thẩm quyền ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 197.036.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung trên.

2.5. Kết quả bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 được bầu thay thế:

Ông Cho Sung Jae được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty với tổng số cổ phần bầu cử là 194.083.746 cổ phần tương đương tỷ lệ 99,24% phiếu bầu hợp lệ.

III. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội

1. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội

Ông Đỗ Văn Sơn – thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- + Số cổ phần biểu quyết tán thành: 195.551.494 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100%;
- + Số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%;
- + Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 0%.

Kết quả: Đại hội đã nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

2. Bế mạc Đại hội

Đại hội bế mạc hồi 11 giờ 30 phút ngày 18 tháng 04 năm 2025.

Biên bản này được lập thành 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 18 tháng 04 năm 2025 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV kết thúc.

Biên bản này đã được đọc lại trước toàn thể Đại hội và được số cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội biểu quyết thông qua./.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA



Ngô Văn Dũng

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đỗ Văn Sơn



Nguyễn Vũ Văn Anh

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG THẢO LUẬN
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN BSC NĂM 2025**

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-DHĐCD ngày 18/04/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)

Câu hỏi số 1: Công ty hãy cho biết nhận định về chính sách thuế quan mới của Mỹ, tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung, thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng? Cụ thể, chính sách này ảnh hưởng ra sao đến hoạt động của BSC và công ty sẽ ứng phó như thế nào?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Chính sách thuế quan của Tổng thống Mỹ có thể có tác động rõ rệt đến nền kinh tế Việt Nam, khi khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam hiện đang hướng đến thị trường Mỹ. Những ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách này sẽ là nhóm doanh nghiệp xuất khẩu, bao gồm dệt may, đồ gỗ và logistics. Ngoài những tác động trực tiếp, còn có những ảnh hưởng gián tiếp khó lường hóa hơn, chẳng hạn như rủi ro liên quan đến lao động, việc làm, tiêu dùng nội địa và tỷ giá. Những yếu tố này có thể gây tác động dịch chuyển dòng vốn FDI khỏi Việt Nam.

Thực tế, sau khi Mỹ công bố chính sách thuế, VN-Index đã có thời điểm sụt giảm mạnh trước khi hồi phục trở lại một phần. Trong thời gian tới, thị trường được dự báo sẽ tiếp tục có những biến động khó lường nếu chúng ta không đạt được kết quả đàm phán tích cực với Mỹ.

Tuy nhiên, ngoài những rủi ro và khó khăn thì thị trường vẫn còn một số yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ. Một trong những điểm sáng lớn là kỳ vọng nâng hạng thị trường vào quý 3 năm nay. Hệ thống giao dịch mới KRX, dự kiến chính thức đi vào vận hành từ ngày 5/5 tới đây, cũng sẽ là động lực thúc đẩy thị trường vận hành minh bạch và hiện đại hơn.

Về hành động cụ thể, BSC đã và đang thực hiện một số giải pháp sau:

BSC sẽ dành nhiều thời gian và nguồn lực hơn để phân tích tác động của chính sách thuế theo từng ngành và từng doanh nghiệp cụ thể. Từ đó, công ty sẽ đưa ra các đánh giá cụ thể, giúp đội ngũ tư vấn có cơ sở hỗ trợ khách hàng cơ cấu lại danh mục, lựa chọn các doanh nghiệp phù hợp, ít bị ảnh hưởng tiêu cực, qua đó giữ chân khách hàng hiệu quả hơn.

Tối ưu mảng tự doanh: Hoạt động tự doanh hiện đang chiếm khoảng 30% thu nhập của BSC. Vì vậy, công ty đặc biệt chú trọng phân tích tác động chính sách thuế đến giá cổ phiếu một cách khoa học, từ đó chủ động điều chỉnh danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro và tối ưu hiệu quả sinh lời.

Tăng cường quản trị nội bộ: BSC cũng đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường quản trị nội bộ, kiểm soát rủi ro một cách chặt chẽ và đảm bảo vận hành hiệu quả trong bối cảnh biến động kinh tế toàn cầu. Việc đảm bảo tính linh hoạt và phản ứng nhanh chóng trước các thay đổi của thị trường sẽ giúp BSC duy trì sự ổn định và tiếp tục phát triển bền vững.

Câu hỏi số 2: Công ty đánh giá thị trường chứng khoán sẽ có những thay đổi lớn nào khi TTCK Việt Nam được nâng hạng? BSC đã chuẩn bị những gì cho những sự thay đổi đó?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Việc thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng sẽ có những ảnh hưởng tích cực đáng kể. Trước tiên, điều này sẽ thu hút dòng vốn quốc tế lớn, tạo ra cơ hội phát triển mạnh mẽ cho thị trường. Thứ hai, việc nâng hạng sẽ thúc đẩy việc nâng cấp và áp dụng các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế, từ đó tạo tiền đề phát triển các sản phẩm mới như bán khống, day-trading, cho phép bán chứng khoán chờ về và hợp đồng quyền chọn cổ phiếu. Điều này sẽ giúp đa dạng hóa sản phẩm của thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời tăng thanh khoản và quy mô giao dịch. Thứ ba, việc nâng hạng cũng giúp cải thiện cấu trúc thị trường thông qua sự tham gia của các nhà đầu tư tổ chức quốc tế, tạo cơ hội phát triển thị trường theo hướng chuyên nghiệp hơn. Cuối cùng, nâng hạng sẽ nâng cao khả năng tiếp cận vốn từ nguồn lực quốc tế, tạo cơ hội tìm kiếm đối tác hợp tác, M&A, từ đó giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị và khả năng cạnh tranh.

Về phía BSC, chúng ta cũng đã chuẩn bị kỹ lưỡng để đáp ứng những cơ hội mới khi thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng. Về sản phẩm, BSC đang chuẩn bị nền tảng công nghệ hiện đại để đa dạng hóa các sản phẩm tài chính, đồng thời phát triển các sản phẩm phái sinh, sản phẩm có cấu trúc mới và các sản phẩm/dịch vụ dành riêng cho nhà đầu tư nước ngoài, song hành với sự phát triển của thị trường. Về công nghệ, BSC đã đầu tư vào hệ thống mới có khả năng xử lý khối lượng giao dịch gấp nhiều lần so với trước và có khả năng mở rộng không giới hạn, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng. Về nhân sự, BSC triển khai các chính sách đãi ngộ hấp dẫn để giữ chân và thu hút nhân sự chất lượng cao, đồng thời liên tục nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ.

Câu hỏi số 3: Chiến lược tự doanh sắp tới của BSC là gì? Công ty có tiếp tục đầu tư vào trái phiếu không, khi mà khoản mục này đã tăng mạnh từ đầu năm? Công ty làm gì để tối ưu doanh thu, lợi nhuận trong bối cảnh hiện tại?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Hiện tại, danh mục đầu tư trái phiếu của BSC đang chiếm khoảng 60–70% vốn chủ sở hữu, với khoảng 90% trong số đó là trái phiếu tổ chức tín dụng – những tổ chức tài chính hàng đầu, có tính thanh khoản cao và độ rủi ro thấp. Chúng tôi tự tin rằng đây là một danh mục đầu tư chất lượng và an toàn.

Song song với việc tập trung vào trái phiếu ngân hàng, BSC cũng đang lựa chọn đầu tư vào trái phiếu của các doanh nghiệp niêm yết hàng đầu trên thị trường chứng khoán.

Về chiến lược tối ưu doanh thu và lợi nhuận, chúng tôi xác định rõ quan điểm ưu tiên quản trị rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh thị trường vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Do đó, dù tỷ suất sinh lời của trái phiếu các doanh nghiệp hàng đầu thường thấp hơn so với trái phiếu của các doanh nghiệp hạng C, D, BSC vẫn chấp nhận mức sinh lời thấp hơn này để

gia tăng sự an toàn và ổn định. Chiến lược đầu tư của chúng tôi thời gian tới vẫn sẽ tập trung vào trái phiếu của các ngân hàng thương mại lớn và các doanh nghiệp thuộc nhóm hạng A.

Câu hỏi số 4: Thời gian qua, cổ đông chiến lược Hana Securities đã hỗ trợ gì cho BSC? Việc ứng dụng công nghệ tại công ty được triển khai như thế nào và đã đạt được những kết quả gì đáng chú ý?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Hiện nay, các công ty chứng khoán đang đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ. BSC không nằm ngoài xu hướng đó khi tận dụng hiệu quả các lợi thế sẵn có để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, với sự hỗ trợ tích cực từ hai cổ đông lớn là BIDV và HSC.

Về phía HSC trên vai trò cổ đông chiến lược đã hỗ trợ BSC rất nhiều trong lĩnh vực công nghệ, bao gồm đánh giá hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ tự động hóa quy trình làm việc (RPA), cũng như tư vấn thiết kế giao diện người dùng và trải nghiệm người dùng (UI/UX) cho các sản phẩm mới giới của BSC. Ngoài ra, HSC cũng đã cử nhân sự tham gia trực tiếp vào công tác quản trị, điều hành và phụ trách mảng chuyển đổi số, bao gồm xây dựng chiến lược phát triển và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh mới.

Trong năm vừa qua, chúng tôi cũng đã cử 2 đoàn công tác sang đào tạo tại Trụ sở HSC tại Hàn Quốc để nắm bắt, học hỏi về các sản phẩm, quy trình cụ thể và đã được phía HSC hỗ trợ rất nhiệt tình.

Song song đó, BSC đang phối hợp với BIDV để triển khai tích hợp tính năng hỗ trợ giao dịch chứng khoán trên ứng dụng SmartBanking, với sự hỗ trợ kỹ thuật từ đội ngũ công nghệ của HSC. Dự kiến tính năng này sẽ chính thức ra mắt trong năm nay.

Câu hỏi số 5: Ban lãnh đạo hãy cho biết tình hình hợp tác với Rothchild trong thời gian qua và kế hoạch hợp tác trong thời gian tới?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Hiện nay, BSC đang hợp tác với đối tác Edmond de Rothschild (EDRS) từ Thụy Sĩ để hướng tới việc góp vốn, liên doanh thành lập Công ty Quản lý quỹ trực thuộc BSC (CTQLQ). Đối tác này một định chế tài chính hàng đầu Châu Âu về quản lý gia sản với lịch sử hoạt động rất lâu đời.

Tính đến thời điểm hiện tại, mọi công tác chuẩn bị từ phía BSC hiện đã hoàn tất và hai bên cũng đã đàm phán thống nhất phương án triển khai cụ thể. Tuy nhiên phía đối tác EDRS hiện vẫn đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục xin phép tại Thụy Sĩ. Dự kiến sau khi EDRS hoàn thiện thủ tục, BSC sẽ thực hiện nộp hồ sơ xin phép thành lập CTQLQ lên UBCKNN.

Công ty quản lý quỹ sau khi được thành lập được kỳ vọng sẽ cộng hưởng sức mạnh từ cả BIDV, EDRS, Hana Securities và BSC: (1) Tiềm lực tài chính vững mạnh cùng thị phần và mạng lưới khách hàng dẫn đầu của BIDV; (2) Chuyên môn và kinh nghiệm hơn 250 năm trong lĩnh vực quản lý tài sản của Edmond de Rothschild trên toàn cầu; (3) Thế mạnh về hệ

thống công nghệ cùng kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ theo chuẩn mực quốc tế của Hana Securities; (4) Chuyên môn và sự thấu hiểu thị trường trong nước của BSC, một trong những công ty chứng khoán đầu tiên và lâu đời nhất tại Việt Nam.

Câu hỏi số 6: Trong bối cảnh các Trung tâm Tài chính sắp được triển khai tại TP.HCM và Đà Nẵng, BSC đã có những bước chuẩn bị như thế nào và định hướng tham gia như thế nào?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Việc triển khai các Trung tâm Tài chính tại TP.HCM và Đà Nẵng có thể sẽ là cú hích lớn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, tạo ra tác động sâu rộng đến hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó có BSC.

BSC có lợi thế là đã có chi nhánh tại TP.HCM, đóng góp gần 50% vào doanh thu và lợi nhuận của công ty trong nhiều năm qua. Với nền tảng vững chắc này, BSC sẽ tích cực tham gia vào quá trình hình thành và phát triển các Trung tâm Tài chính, đặc biệt tại TP.HCM, bằng cách tập trung phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính chuyên biệt dành cho khách hàng tổ chức, các nhà đầu tư nước ngoài.

Hiện nay, BSC đang cung cấp dịch vụ cho nhiều tổ chức tài chính lớn có vốn đầu tư nước ngoài. Chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động trong mảng ngân hàng đầu tư (IB) nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhóm khách hàng này, đồng thời mở rộng mạng lưới hợp tác, nâng cao năng lực tư vấn và triển khai các sản phẩm tài chính mang tính chuyên sâu, đạt tiêu chuẩn quốc tế.



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Thông qua các báo cáo sau:**

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025;
2. Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2024;
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025;
4. Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của BSC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với điều kiện thị trường (mức tăng trưởng và/hoặc quy mô thanh khoản thị trường...) nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024:

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2024	Số tiền
1	Tổng tài sản	10.315.055.682.765
2	Vốn chủ sở hữu	5.061.881.530.671
	<i>Trong đó: Vốn Điều lệ</i>	<i>2.230.607.010.000</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	515.685.500.462
4	Lợi nhuận sau thuế	413.071.438.156

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Công thức/ ghi chú	Phân phối LNST 2024
I	Lợi nhuận năm 2024		413.071.438.156
II	Lợi nhuận còn lại các năm trước		366.090.851.498
III	Lợi nhuận chưa phân phối	$(III) = (I) + (II)$	779.162.289.654
IV	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		257.350.000
V	Phương án phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	$(1) = III - IV$	778.904.939.654
2	Trích lập các quỹ	$(2) = (2.1)$	31.800.000.000
2.1	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(2.1)	31.800.000.000
2.2	<i>Tỷ lệ trích (so với Lợi nhuận chưa phân phối)</i>	$(2.2) = (2.1)/(III)$	4,08%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau trích quỹ và trả thù lao	$(3) = (1) - (2)$	747.104.939.654
4	Chi trả cổ tức (*)	$(4) = (4.1) \times (4.2)$	223.060.701.000
4.1	<i>Vốn điều lệ tại 31/12/2024</i>		2.230.607.010.000
4.2	<i>Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)</i>		10%
VI	Tổng lợi nhuận còn lại	$(VI) = (3) - (4)$	524.044.238.654

Ghi chú: - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nghĩa vụ thuế cũng như lãi tính thuế ước tính của BSC chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán. Trường hợp số thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế, lợi nhuận để lại trên bảng số liệu trên có thể sẽ điều chỉnh lại tương ứng.

- (*): Số liệu này có thể được điều chỉnh, cập nhật theo số lượng cổ phiếu BSI đang lưu hành thực tế tại ngày chốt giao dịch hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức và tình hình xử lý cổ phiếu lẻ.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

- **Tỷ lệ chi trả:** Dự kiến 10%/Mệnh giá cổ phiếu.
- **Hình thức chi trả:** Bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi trả phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quyền lợi của cổ đông.
- **Thời gian thực hiện:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức thành các đợt phù hợp.

Điều 4. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện tại	:	2.230.607.010.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	:	22.306.070 cổ phiếu ^(*) (tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Tỷ lệ thực hiện quyền 10%.
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	223.060.700.000 đồng ^(*) (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba tỷ không trăm sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)
Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:	2.453.667.710.000 đồng ^(*)
Mục đích phát hành	:	Tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty

Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)
Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 thì cổ đông A được nhận là $111/10 \times 1 = 11,1$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>
Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2025
Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định.

(*) Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.

2. Triển khai thực hiện

2.1. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thực tế;
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);
- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm: (i) sửa đổi/bổ sung Giấy phép hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (iii) đăng ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn

điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành;

- Quyết định và thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Phương án đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số các công việc nêu trên.

Điều 5: Thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2024 và Dự toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025

1. Thông qua Báo cáo tình hình thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024

a. Đối với Thành viên HĐQT chuyên trách: 2,987 tỷ VND. Trong đó:

- Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: 2,563 tỷ VND (đã bao gồm thưởng KPI, chưa bao gồm thuế nhà thầu);

- Bà Nguyễn Thanh Huyền – Thành viên chuyên trách HĐQT: 0,424 tỷ VND (bà Huyền được miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT từ ngày 23/04/2024);

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập và được công bố tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty.

b. Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm: 257.350.000 VND. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VND)	Ghi chú
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
2	Ông Lim, Do Kyoona	Thành viên HĐQT độc lập	0	Từ chối nhận thù lao
3	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	41.350.000	Từ ngày 23/04 – 31/12/2024
4	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng BKS	60.000.000	
5	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên BKS	36.000.000	
6	Bà Kang, Hee Joung	Thành viên BKS	0	Từ chối nhận thù lao
Tổng cộng			257.350.000	

2. Thông qua dự toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

2.1. Dự toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2025

a. Đối với Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Mức thù lao tối thiểu gồm lương vị trí, không phụ thuộc kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoàn thành nhiệm vụ (KPI) của nhân sự: 1,786 tỷ VND (tạm quy đổi theo tỷ giá 25.670 VND/USD);

- Mức thù lao tối đa phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và KPI của nhân sự: **2,967 tỷ VND (với giả định cả Công ty và nhân sự đều hoàn thành 100% KPI)**. Mức thực tế dựa vào kết quả KPI của Công ty và KPI cá nhân của nhân sự nhưng đảm bảo không vượt quá 2,967 tỷ VND (tạm quy đổi theo tỷ giá 25.670 VND/USD).

Ghi chú: Mức thù lao trên chưa bao gồm Thuế Nhà thầu và chênh lệch do thay đổi tỷ giá VND/USD (nếu có);

b. Đối với Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập của BSC.

c. Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS không chuyên trách:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 10.000.000 VND/tháng; |
| - Thành viên HĐQT: | 5.000.000 VND/tháng; |
| - Trưởng Ban Kiểm soát: | 5.000.000 VND/tháng; |
| - Thành viên Ban Kiểm soát: | 3.000.000 VND/tháng. |

***Ghi chú:** Các thành viên HĐQT và thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do HSC đề cử từ chối nhận thù lao.

2.2 Các khoản khen thưởng (nếu có) được hình thành từ lợi nhuận sau thuế (Quỹ khen thưởng phúc lợi), trợ cấp tham gia các cuộc hội họp... thực hiện theo quy định nội bộ của BSC.

Điều 6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

1.1. Cập nhật tên thương mại mới của tòa nhà nơi BSC đặt trụ sở chính: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. (Thông tin mới về địa chỉ trụ sở của Công ty chỉ được cập nhật tại Điều lệ và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu có) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép).

DHDCD giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty (và cho phép Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc) triển khai thực hiện các nội dung:

a. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc cập nhật địa chỉ trụ sở chính tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật;

b. Cập nhật thông tin mới về địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Điều lệ Công ty và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu cần) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép.

c. Trường hợp (i) Tòa nhà nơi BSC đặt trụ sở chính tiếp tục thay đổi tên thương mại; hoặc (ii) có sự điều chỉnh địa giới và sắp xếp, đổi tên đơn vị hành chính trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến điều chỉnh thông tin địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Chấp thuận cho Hội đồng quản trị được tiếp tục thực hiện các công việc nêu trên để thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính của BSC theo thực tế.

1.2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác được cập nhật tại bản dự thảo Điều lệ đính kèm.

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

3. Giao Người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo các điểm sửa đổi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

4. Ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định các điều chỉnh cần thiết tại các văn bản trên, bao gồm các sửa đổi không mang tính trọng yếu, các sửa đổi mang tính cập nhật thông tin, các điều chỉnh phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan chức năng, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

2. Giao Người có thẩm quyền ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 8. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

1. Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 đối với: Bà Kang Hee Joung;

2. Bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 là: Ông Cho Sung Jae.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được lập thành 02 (hai) bản gốc, gồm 07 trang và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 04 năm 2025.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Ngô Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV



Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1.	QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1.	Giải thích thuật ngữ	7
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty ...	8
Điều 3.	Người đại diện theo pháp luật	10
CHƯƠNG 2.	MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY	12
Điều 4.	Phạm vi hoạt động kinh doanh	12
Điều 5.	Mục tiêu hoạt động	12
Điều 6.	Nguyên tắc hoạt động của Công ty	12
CHƯƠNG 3.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	15
Điều 7.	Vốn điều lệ và các loại cổ phần	15
Điều 8.	Phát hành trái phiếu	16
Điều 9.	Phát hành chứng quyền có bảo đảm	16
Điều 10.	Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	18
Điều 11.	Sổ đăng ký cổ đông	18
Điều 12.	Chuyển nhượng và thu hồi cổ phần của Công ty	19
Điều 13.	Mua lại cổ phần	20
CHƯƠNG 4.	QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	22
Điều 14.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	22
Điều 15.	Quyền của cổ đông	22
Điều 16.	Nghĩa vụ của cổ đông	24
Điều 17.	Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 18.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 19.	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 20.	Thay đổi các quyền	30
Điều 21.	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	31

huc

Điều 22.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 23.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 24.	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	36
Điều 25.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	37
Điều 26.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	39
Điều 27.	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	40
Điều 28.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	41
Điều 29.	Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 30.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	43
Điều 31.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 32.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	46
Điều 33.	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	47
Điều 34.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	48
Điều 35.	Biên bản họp Hội đồng quản trị	50
Điều 36.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	51
Điều 37.	Thư ký Công ty.....	52
Điều 38.	Người phụ trách quản trị Công ty.....	52
Điều 39.	Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị	53
Điều 40.	Tổ chức bộ máy quản lý	54
Điều 41.	Người điều hành Công ty	54
Điều 42.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	54
Điều 43.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc	55
Điều 44.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc	55
Điều 45.	Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	56
Điều 46.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	56
Điều 47.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc.....	56

Điều 48.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	59
Điều 49.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	59
Điều 50.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	60
Điều 51.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	60
Điều 52.	Thánh phần và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát	61
Điều 53.	Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	61
Điều 54.	Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên	62
Điều 55.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	62
Điều 56.	Trưởng Ban Kiểm soát	63
Điều 57.	Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	63
Điều 58.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	63
Điều 59.	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan.....	64
Điều 60.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	66
CHƯƠNG 5.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	66
Điều 61.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	66
CHƯƠNG 6.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	68
Điều 62.	Công nhân viên và Công Đoàn.....	68
CHƯƠNG 7.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	69
Điều 63.	Phân phối lợi nhuận.....	69
CHƯƠNG 8.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	70
Điều 64.	Tài khoản ngân hàng	70
Điều 65.	Năm tài chính	70
Điều 66.	Chế độ kế toán.....	70
CHƯƠNG 9.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	71
Điều 67.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	71
Điều 68.	Báo cáo thường niên.....	71

me

CHƯƠNG 10.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	72
Điều 69.	Kiểm toán	72
CHƯƠNG 11.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	73
Điều 70.	Dấu của doanh nghiệp	73
CHƯƠNG 12.	TỔ CHỨC LẠI, THANH LÝ, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	74
Điều 71.	Tổ chức lại Công ty	74
Điều 72.	Giải thể	74
Điều 73.	Giá hạn hoạt động	74
Điều 74.	Thanh lý	74
Điều 75.	Phá sản	75
CHƯƠNG 13.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	76
Điều 76.	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	76
CHƯƠNG 14.	NGÀY HIỆU LỰC	77
Điều 77.	Ngày hiệu lực	77

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV. Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1.1. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

1.1.2. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

1.1.3. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ (05%) năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

1.1.4. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản;

1.1.5. “Điều khoản” có nghĩa là một điều khoản của Điều lệ này;

1.1.6. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024;

1.1.7. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;

1.1.8. “Ngày thành lập” là ngày mà Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;

1.1.9. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

1.1.10. “Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

1.1.11. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

1.1.12. “Pháp luật” là tất cả các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo từng thời kỳ, bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật này;

1.1.13. “SGDCK” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

1.1.14. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này ghi nhận thông tin sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này;

1.1.15. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định trong Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

1.1.16. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

1.1.17. “UBCKNN” là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;

1.1.18. “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều lệ này;

1.1.19. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Hình thức của Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.2. Tên Công ty:

Tên giao dịch chính thức:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Tên giao dịch rút gọn:	Công ty Chứng khoán BIDV
Tên giao dịch Tiếng Anh:	BIDV Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch rút gọn Tiếng Anh:	BIDV Securities
Tên giao dịch viết tắt:	BSC

2.3. Biểu tượng của Công ty được thể hiện như sau:



Tùy theo tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thay đổi biểu tượng Công ty.

2.4. Trụ sở Công ty:

2.4.1. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, phường Trảng Tiển, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

(Nội dung này đã được cập nhật theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 04/GPDC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 11/01/2022)

Điện thoại: (84-24) 39352722

Fax: (84-24) 33816699

Email : IR@bsc.com.vn

Website: www.bsc.com.vn

2.4.2. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản và sẽ được tự động cập nhật tại Điều lệ Công ty.

2.5. Mạng lưới hoạt động:

2.5.1. Công ty có thể thành lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản;

2.5.2. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty

và Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

2.5.3. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận.

2.5.4. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.6. Thời hạn hoạt động:

2.6.1. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo CHƯƠNG 12.Điều 72 Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn và bắt đầu từ Ngày thành lập.

2.6.2. Mọi thay đổi về thời hạn hoạt động của Công ty đều phải được phép của UBCKNN và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

3.1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Quyền của Người đại diện theo pháp luật

3.3.1. Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

3.3.2. Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tổ tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;

3.3.3. Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định pháp luật và Điều lệ;

3.3.4. Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

3.4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

3.4.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

3.4.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

3.4.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3.4.4. Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

3.5. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:

3.5.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền;

3.5.2. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm 3.5.1 khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật;

3.5.3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG 2. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

4.1.1. Môi giới chứng khoán;

4.1.2. Tự doanh chứng khoán;

4.1.3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

4.1.4. Tư vấn đầu tư chứng khoán;

4.1.5. Kinh doanh chứng khoán phái sinh;

4.1.6. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 4.1 Điều lệ này, Công ty được cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính và pháp luật.

4.3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Khoản 4.1 và Khoản 4.2 Điều này sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

5.1. Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, ổn định, bền vững và an toàn.

5.2. Nếu bất kỳ những mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Điều 5.1 Điều lệ này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

6.1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành:

6.1.1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

6.1.2. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6.1.3. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông

tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

6.1.4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

6.1.5. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:

6.2.1. Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

6.2.2. Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.

6.2.3. Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.

6.2.4. Công ty, nhân viên của Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.

6.2.5. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.

6.2.6. Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

6.2.7. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:

a. Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;

b. Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;

c. Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;

d. Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;

e. Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;

f. Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.

6.2.8. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

6.2.9. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.

6.2.10. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

6.2.11. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

6.2.12. Công ty phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

6.2.13. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG 3. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG

Điều 7. Vốn điều lệ và các loại cổ phần

7.1. Vốn điều lệ của Công ty là **2.230.607.010.000 đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm ba mươi tỷ, sáu trăm linh bảy triệu, mười nghìn đồng).

7.2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **223.060.701** cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này.

7.3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

7.4. Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ không đáp ứng mức tối thiểu nêu trên, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật

7.5. Cổ phần phổ thông sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7.6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

7.7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

7.8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7.9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

7.10. Quy mô Vốn điều lệ và số cổ phần của công ty quy định tại Khoản 7.1 và 7.2 Điều

này sẽ tự động cập nhật khi Công ty hoàn thành việc thay đổi Vốn Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật.

Điều 8. Phát hành trái phiếu

8.1. Đối với chào bán trái phiếu riêng lẻ:

8.1.1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, không kèm chứng quyền riêng lẻ: Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

8.1.2. Đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ: Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư.

8.2. Đối với chào bán trái phiếu ra công chúng:

8.2.1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi ra công chúng, trái phiếu không kèm chứng quyền ra công chúng: Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

8.2.2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng: Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 9. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

9.1. Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

9.2. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật.

9.3. Công ty được phát hành chứng quyền theo tổng hạn mức phù hợp quy định của Ủy

Ban Chứng Khoán Nhà Nước so với vốn khả dụng tính tại thời điểm phát hành.

9.4. Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty. Người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định tại bản cáo bạch của Công ty khi tiến hành chào bán chứng quyền như:

9.4.1. Quyền được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá chứng khoán cơ sở và giá thực hiện tại thời điểm thực hiện tùy theo loại chứng quyền sở hữu;

9.4.2. Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền được hủy niêm yết theo quy định pháp luật;

9.4.3. Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của Công ty tại bản cáo bạch cho từng đợt phát hành;

9.4.4. Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể, phá sản, các quyền khác theo quy định pháp luật trong trường hợp Công ty hợp nhất, sáp nhập;

9.4.5. Quyền chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế... trong quan hệ pháp luật dân sự theo quy định pháp luật;

9.4.6. Các quyền khác theo quy định pháp luật.

9.5. Bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của Công ty:

9.5.1. Trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, Công ty đảm bảo sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm như sau:

a. Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền trên tài khoản tự doanh;

b. Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm;

c. Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

d. Công ty sẽ áp dụng các biện pháp bảo đảm khác (nếu có) theo quy định pháp luật để đảm bảo thanh toán và thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu

9.5.2. Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm một phần;

9.5.3. Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập, giải thể phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp;

9.5.4. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

10.1. Chứng nhận cổ phiếu

10.1.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

10.1.2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

10.1.3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

10.1.4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

10.2. Chứng chỉ chứng khoán khác:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

11.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

11.2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

11.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

11.2.2. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

11.2.3. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

11.2.4. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

11.2.5. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

11.3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông của Công ty: văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

11.4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

11.5. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì dữ liệu do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lưu giữ sẽ có hiệu lực.

Điều 12. Chuyển nhượng và thu hồi cổ phần của Công ty

12.1. Chuyển nhượng cổ phần

12.1.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

12.1.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật;

12.2. Thu hồi cổ phần

12.2.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

12.2.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ: Thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

Mu

12.2.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

12.2.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

12.2.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

12.2.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 13. Mua lại cổ phần

13.1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

13.2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

13.2.1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

a. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại) và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b. Hội đồng quản trị xác định mức giá mua lại theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

nuu

13.2.2. Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

14.1. Đại hội đồng cổ đông;

14.2. Hội đồng quản trị;

14.3. Ban kiểm soát;

14.4. Tổng Giám đốc.

MỤC I – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

15.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

15.1.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

15.1.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

15.1.3. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

15.1.4. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

15.1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

15.1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

15.1.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

15.1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

15.1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng

cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

15.1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

15.1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

15.1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

15.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

15.2.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

15.2.2. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

15.2.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

15.2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

15.2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

15.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

15.3.1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị

và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

15.3.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

15.4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

15.4.1. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

15.4.2. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

15.4.3. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

15.4.4. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

16.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

16.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có

cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

16.3. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

16.4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

16.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

16.6. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan của cổ đông không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác.

16.7. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

16.8. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:

16.8.1. Số cổ phần hoặc phần vốn góp bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;

16.8.2. Cổ đông, thành viên là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản;

16.8.3. Công ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về các trường hợp quy định tại Khoản 16.8 này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

16.9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

16.9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

16.9.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

16.9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác;

16.9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

16.10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

16.10.1. Vi phạm pháp luật;

16.10.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

16.10.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.

16.11. Cung cấp thông tin, địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định;

16.12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

17.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

17.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

17.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

17.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

17.3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng

thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

17.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

17.3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

17.3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

17.4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm 17.3.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 17.3.3 và 17.3.4 Điều này;

17.4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

17.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 17.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

17.4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

18.1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

18.1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

18.1.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

18.1.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

18.1.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18.1.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

18.1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

18.1.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

18.1.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

18.1.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

18.1.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.1.11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

18.1.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

18.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

18.2.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

18.2.2. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

18.2.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

18.2.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

18.2.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

18.2.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

18.2.7. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.2.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

18.2.9. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.2.10. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần

thiết;

18.2.11. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

18.2.12. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

18.2.13. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

18.2.14. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

18.2.15. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18.2.16. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

18.2.17. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

18.2.18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

18.2.19. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

18.2.20. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

18.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

18.4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

19.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

19.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại khoản 19.1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

19.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác) của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

19.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

19.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

19.4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

19.4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

20.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

20.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ

neu

cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

20.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này.

20.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

21.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 17.3 Điều 17 Điều lệ này.

21.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

21.2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

21.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

21.2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

21.2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

21.2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

21.2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

21.2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

21.3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên

nu

trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

21.3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

21.3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

21.3.3. Phiếu biểu quyết;

21.3.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

21.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

21.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 21.4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

21.5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 21.4 Điều này;

21.5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ này;

21.5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

21.5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

21.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 21.4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường

hợp quy định tại khoản 21.5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

22.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

22.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

22.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng (30) ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng (20) hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

22.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

22.4.1. Trực tiếp tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

22.4.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

22.4.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

22.4.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

22.4.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

23.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông, bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

23.1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

23.1.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

23.2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

23.2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể làm chủ tọa cuộc họp, Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

23.2.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm 23.2.1 khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

23.2.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp, lập biên bản họp Đại



hội đồng cổ đông;

23.2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

23.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.

23.4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

23.4.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

23.4.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

23.4.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

23.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

23.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

23.7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

23.7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra an ninh hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

23.7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

23.8. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người

đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

23.8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

23.8.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

23.8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

23.9. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với quy định nêu tại Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

23.10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 24. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

24.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

24.1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

24.1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

24.1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

24.1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

24.1.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

24.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp

tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 24.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

24.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

25.1.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

25.1.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 21.3 Điều lệ này.

25.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

25.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

25.2.2. Mục đích lấy ý kiến;

25.2.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

25.2.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

25.2.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

25.2.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

25.2.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

25.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

25.3.1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

25.3.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

25.3.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

25.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

25.4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

25.4.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

25.4.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

25.4.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

25.4.5. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

25.4.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

25.5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị

quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

25.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

25.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

26.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

26.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

26.1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

26.1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

26.1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

26.1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

26.1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

26.1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

26.1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

26.1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

26.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp

Mu

phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

26.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

26.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

27.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

27.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

hu

MỤC II - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

28.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

28.1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

28.1.2. Trình độ chuyên môn;

28.1.3. Quá trình công tác;

28.1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

28.1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

28.1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

28.1.7. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

28.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

28.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

28.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy

định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

29.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các ủy viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

29.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá (05) năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

29.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

29.4. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

29.4.1. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

29.4.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

29.4.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

29.5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

29.6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

29.7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

29.8. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

30.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

30.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

30.2.1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

30.2.2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

30.2.3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

30.2.4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

30.2.5. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

30.2.6. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

30.2.7. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

30.2.8. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

30.2.9. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

30.2.10. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

30.2.11. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

30.2.12. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các người quản lý và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội

đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

30.2.13. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

30.2.14. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác;

30.2.15. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

30.2.16. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

30.2.17. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

30.2.18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;

30.2.19. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ban/Tiểu ban/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty.

30.2.20. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

30.2.21. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

30.2.22. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định tại Điều 11 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ);

30.2.23. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

30.3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn

Mu

bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ).

30.4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử, fax, và các phương tiện điện tử khác theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của BSC tại từng thời kỳ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.

Điều 31. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

31.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

31.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

31.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

31.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

31.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

31.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp

luật và Điều lệ công ty.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

32.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

32.1.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

32.1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;

32.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;

32.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

32.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

32.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

32.2.1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

32.2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

32.2.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

32.2.4. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

32.2.5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

32.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 32.2 Điều này và đương

nhân không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

33.1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

33.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc của Công ty.

33.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

33.3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

33.3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

33.3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

33.3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

33.3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

33.3.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

33.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu. Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

33.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có

khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

34.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

34.2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

34.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

34.3.1. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

34.3.2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

34.3.3. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

34.3.4. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

34.4. Đề nghị quy định tại khoản 34.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

34.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 34.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

34.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu

biểu quyết của thành viên.

34.7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

34.8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

34.9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

34.10. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại, hội đàm trực tuyến (video hoặc tele-conference) giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

34.10.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

34.10.2. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, địa điểm họp là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

34.11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

34.11.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

34.11.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản

34.13 Điều này;

34.11.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ này;

34.11.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

34.11.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

34.12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

34.13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

34.14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị

35.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

35.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

35.1.2. Thời gian, địa điểm họp;

35.1.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

35.1.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

35.1.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

35.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

35.1.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

35.1.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

35.1.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 35.2 Điều này.

35.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 35.1.1 đến 35.1.8 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực.

35.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

35.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

35.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

36.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

36.1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;

36.1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

36.1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

36.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

36.2.1. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

36.2.2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

36.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 36.1 và khoản 36.2 Điều này.

36.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

36.4.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ

Nu

đồng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

36.4.2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

36.5. Trừ trường hợp quy định tại điểm 36.4.1 và điểm 36.4.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

36.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 37. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

37.1. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

37.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

37.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

37.4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

37.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Người phụ trách quản trị Công ty

38.1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 37 Điều lệ.

38.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

38.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

38.3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

38.3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

38.3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

38.3.4. Tham dự các cuộc họp;

38.3.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

38.3.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

38.3.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

38.3.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

38.3.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

38.3.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị

39.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

39.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

MỤC III – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Người điều hành Công ty

41.1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

41.2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

42.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

42.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

42.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

42.4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

42.4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

42.4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

42.4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

42.4.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

42.4.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các

chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

42.4.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

42.4.7. Tuyển dụng lao động;

42.4.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

42.4.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

42.5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

42.6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 43. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

43.1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Tổng Giám đốc thuê, ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc sa thải.

43.2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

43.3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

44.1. Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

44.1.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

44.1.2. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

44.1.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật

mu

Chứng khoán.

44.1.4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

44.2. Phó Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

44.2.1. Phó Tổng Giám đốc công ty chứng khoán không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác.

44.2.2. Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

44.2.3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

46.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này;

46.2. Có đơn xin từ chức;

46.3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

46.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc

47.1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.

47.2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ:

47.2.1. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

47.2.2. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích

trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

47.2.3. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

47.2.4. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

47.2.5. Tách biệt tài sản của khách hàng;

47.2.6. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

47.2.7. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

47.2.8. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

47.3. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

47.3.1. Hoạt động của công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;

47.3.2. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;

47.3.3. Hoạt động của công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

47.3.4. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.

47.4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc

47.4.1. Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

47.4.2. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

47.4.3. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;

47.4.4. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

47.4.5. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chứng khoán.

MỤC IV - BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

48.1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

48.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

48.3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác

48.4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

48.5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

48.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

48.7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ).

48.8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

48.9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

49.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo

phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

49.1.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

49.1.2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

49.1.3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

49.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

49.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 50. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

50.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

50.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

50.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 51. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

51.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 28.1, khoản 28.2 Điều 28 Điều lệ này.

51.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc

tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Thành phần và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát

52.1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) Kiểm soát viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

52.2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 53. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

53.1. Ban Kiểm soát phải xây dựng quy trình kiểm soát và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

53.2. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định;

53.3. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba ($\frac{2}{3}$) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

53.4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

53.5. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều Hành vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của công ty, cổ đông, Chủ sở hữu hoặc khách hàng, Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

Điều 54. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên

54.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

54.1.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

54.1.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

54.1.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

54.1.4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

54.1.5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

54.1.6. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

54.1.7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

54.1.8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

54.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

55.1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

55.1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này;

55.1.2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

55.2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

55.2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

55.2.2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

55.2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

55.2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 56. Trường Ban Kiểm soát

56.1. Trường Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trường Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

56.2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban Kiểm soát:

56.2.1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

56.2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

56.2.3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 57. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

58.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

58.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

58.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

58.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

58.5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

58.6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

58.6.1. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

58.6.2. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 59. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

59.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa

công ty với người có liên quan sau đây:

59.1.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

59.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

59.1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

59.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với các đối tượng quy định tại 59.1 của Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

59.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

59.3.1. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 59.2 Điều này;

59.3.2. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

59.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 59.3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền

biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp

59.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

59.6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

60.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

60.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG 5. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

61.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

61.1.1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

61.1.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng

quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

61.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

61.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện thông tin này phải được bảo mật.

61.4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

61.5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG 6. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Công nhân viên và Công Đoàn

62.1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

62.2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Phân phối lợi nhuận

63.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

63.2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

63.3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

63.4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền: đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

63.5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

63.6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 64. Tài khoản ngân hàng

64.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

64.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

64.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 65. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 66. Chế độ kế toán

66.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận, tuân thủ chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

66.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

66.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG 9. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

67.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

67.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

67.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 69. Kiểm toán

69.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

69.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

69.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG 11. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 70. Dấu của doanh nghiệp

70.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

70.2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

70.3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 12. TỔ CHỨC LẠI, THANH LÝ, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 71. Tổ chức lại Công ty

71.1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

71.2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và văn bản pháp luật liên quan.

Điều 72. Giải thể

72.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

72.1.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCKNN chấp thuận;

72.1.2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu (đối với công ty cổ phần) trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

72.1.3. UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố giải thể.

72.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

72.3. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị và pháp luật.

Điều 73. Gia hạn hoạt động

73.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

73.2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 74. Thanh lý

74.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) ba thành viên: 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một)

thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

74.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

74.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

74.3.1. Các chi phí thanh lý;

74.3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

74.3.3. Nợ thuế;

74.3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;

74.3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điều 74.3.1 đến 74.3.4 Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 75. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

CHƯƠNG 13. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 76. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

76.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, trừ những trường hợp tự động cập nhật theo các điều khoản chi tiết khác tại Điều lệ này.

76.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 14. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 77. Ngày hiệu lực

77.1. Bản điều lệ này gồm 14 Chương, 77 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 04 năm 2025 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

77.2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

77.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

77.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN DUY VIỄN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV**

Số: 510/QĐ-BSC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ yêu cầu quản lý, giám sát phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty” của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 969/QĐ-BSC ngày 17/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Văn thư, VP.HDQT./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Dũng

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 310 /QĐ-BSC ngày 18 / 04/2025
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)*

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	5
CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 3. Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 5. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 6. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Các điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến.....	10
Điều 10. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 11. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông... 11	
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 13. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 15. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 17. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	16
Điều 18. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	17
Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 20. Thư ký Công ty	18
Điều 21. Người phụ trách quản trị Công ty	18

Điều 22. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị.....	19
CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT.....	20
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	20
Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ Ban kiểm soát.....	21
Điều 27. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	21
Điều 28. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên.....	21
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	22
Điều 30. Trưởng Ban Kiểm soát	22
CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC	24
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	24
Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	24
Điều 33. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	25
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	25
CHƯƠNG 6. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	26
Điều 35. Nguyên tắc phối hợp.....	26
Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	26
CHƯƠNG 7. ĐÁNH GIÁ, HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	27
Điều 37.Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	27
Điều 38. Khen thưởng	27
Điều 39. Kỷ luật	27
CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	29
Điều 40. Điều khoản thi hành.....	29

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

3.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

3.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

3.3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

3.3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

3.4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm 3.3.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 3.3.3 và 3.3.4 Điều này;

3.4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

3.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

3.4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

5.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

5.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5.1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

5.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác) của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

5.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

5.4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 6. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

6.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 17.3 Điều 17 Điều lệ công ty.

6.2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

6.2.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

6.2.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

6.2.3. Phiếu biểu quyết;

6.2.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

6.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ công

ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6.3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

6.4.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 6.3 Điều này;

6.4.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ công ty;

6.4.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6.4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6.3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6.4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Các điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Các điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

8.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

8.2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

8.3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến

Hội đồng quản trị căn cứ theo tình hình của từng thời kỳ có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty, Điều lệ Công ty, quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý liên quan.

Điều 10. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

10.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

10.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

10.1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

10.1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

10.1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

10.1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

10.1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

10.1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

10.1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

10.1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

10.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi

Handwritten signature

kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

10.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

11.1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại.

11.2. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần phải được gửi bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản 11.1 Điều này.

11.3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

11.4. Trong trường hợp quy định tại khoản 11.3 Điều này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

12.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

12.1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

12.1.2. Trình độ chuyên môn;

12.1.3. Quá trình công tác;

12.1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

12.1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

12.1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

12.1.7. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

12.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

12.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

12.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

mu

Điều 13. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

13.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các ủy viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

13.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá (05) năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

13.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

13.4. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

13.4.1. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

13.4.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

13.4.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

13.5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

13.6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

13.7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

13.8. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu.

Mu

Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

14.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

14.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

15.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

15.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

15.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

15.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

15.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

15.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo

hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

16.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

16.1.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

16.1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;

16.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;

16.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

16.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

16.2.1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

16.2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

16.2.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

16.2.4. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

16.2.5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

16.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 16.2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ

các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

17.1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

17.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc của Công ty.

17.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

17.3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

17.3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

17.3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

17.3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

17.3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

17.3.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

17.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu. Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

17.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một

(01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 18. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.

Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

19.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

19.1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này;

19.1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

19.1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

19.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

19.2.1. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

19.2.2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

19.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 19.1 và khoản 19.2 Điều này.

19.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

19.4.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

19.4.2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty;

19.5. Trừ trường hợp quy định tại điểm 19.4.1 và điểm 19.4.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

19.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin

theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 20. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

20.1. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

20.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

20.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

20.4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

20.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Người phụ trách quản trị Công ty

21.1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.

21.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

21.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

21.3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

21.3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

21.3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

21.3.4. Tham dự các cuộc họp;

21.3.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

21.3.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

21.3.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

21.3.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

21.3.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

21.3.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị

22.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

22.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

23.1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

23.2. Ngoài ra, Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin, cụ thể như sau:

23.2.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

23.2.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

23.2.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý theo quy định tại Điều lệ Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

24.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

24.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

24.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

25.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 28.1, khoản 28.2 Điều 28 Điều lệ công ty.

25.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ Ban kiểm soát

26.1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) Kiểm soát viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

26.2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 27. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

Cách thức hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy trình kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 28. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên

28.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

28.1.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

28.1.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

28.1.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý;

28.1.4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc

Mu

người lao động của công ty;

28.1.5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

28.1.6. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

28.1.7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

28.1.8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

28.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

29.1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

29.1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ Công ty;

29.1.2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

29.2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

29.2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

29.2.2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

29.2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

29.2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Trưởng Ban Kiểm soát

30.1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán,

kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

30.2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

30.2.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

30.2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

30.2.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

me

CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

31.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

31.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

31.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

31.4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

31.5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

31.6. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin của công ty niêm yết.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

32.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

32.2. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

32.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

32.4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

34.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này;

34.2. Có đơn xin từ chức;

34.3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

34.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 6. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

35.1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

35.2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

35.3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các quy định cụ thể về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định nội bộ khác của Công ty.

**CHƯƠNG 7. ĐÁNH GIÁ, HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT
ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH**

Điều 37. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

37.1. Đối tượng đánh giá

37.1.1. Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

37.1.2. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát.

37.1.3. Tổng Giám đốc đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

37.2. Tổ chức thực hiện

Việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành được thực hiện trên cơ sở kết quả thực hiện công việc, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông giao và bảo đảm các nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch.

Điều 38. Khen thưởng

38.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty.

38.2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

Điều 39. Kỷ luật

39.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Công ty.

39.2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

39.3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình

tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy chế xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất của Công ty.

CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản thi hành

40.1. Quy chế này gồm tám (08) Chương, bốn mươi (40) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

40.2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

40.3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến quản trị công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật, Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động quản trị của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV**

Số: 311 /QĐ-BSC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 970/QĐ-BSC ngày 17/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Văn thư, VP.HĐQT./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 311 /QĐ-BSC ngày 18 /04/2025
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các

công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các ủy viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

nu

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ

sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

Mu

- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

mu

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,

Mu

trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ban/Tiểu ban/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

nuu

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

mu

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện bằng biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và được thông qua theo quy định của Hội đồng quản trị về thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc trong những trường hợp Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Những trường hợp không có phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thì hạn mức tối đa thuộc phạm vi giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành là mức cao nhất mà pháp luật và Điều lệ BSC cho phép.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội

Mu

đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

huu

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video hoặc tele-conference) giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử cá nhân của thành viên HĐQT;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

huu

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Thẻ thức biểu quyết ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến:

a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của BSC; mục đích lấy ý kiến; họ, tên của thành viên HĐQT; vấn đề lấy ý kiến; phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến; Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b) Thành viên HĐQT chỉ được lựa chọn một trong ba (03) phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến.

c) Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết nào trong ba (03) phương án nêu trên hoặc không gửi Phiếu biểu quyết hợp lệ về công ty theo đúng thời hạn quy định thì được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".

d) Trường hợp thành viên HĐQT đã chọn một trong các phương án biểu quyết nhưng đồng thời có ý kiến bổ sung kèm theo phương án biểu quyết, Thư ký công ty sẽ tổng hợp ý kiến của thành viên HĐQT đó theo phương án biểu quyết đã lựa chọn kèm ý kiến bổ sung tại Biên bản tổng hợp ý kiến.

4. Phiếu lấy ý kiến trả lời hợp lệ là Phiếu lấy ý kiến phải được ký hoặc gửi từ thư điện tử cá nhân của các thành viên HĐQT và gửi về Công ty theo quy định, có đánh dấu biểu quyết/ghi nhận rõ ý kiến của thành viên HĐQT đối với vấn đề được lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến trả lời bằng một trong hai hình thức nêu trên có giá trị tương đương nhau.

hieu

5. Cấp ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT về nội dung xin ý kiến là Ban Điều hành, lãnh đạo Ban/Tiểu ban/Đơn vị trực thuộc HĐQT hoặc đơn vị khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT yêu cầu trong từng trường hợp cụ thể. Người ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm trước HĐQT về đề xuất của mình và tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn của nội dung trình cũng như các tài liệu đính kèm.

6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do tổng hợp ý kiến không trung thực, không chính xác.

7. Nghị quyết/Quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết/Quyết định thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết/Quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp HĐQT được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

8. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị liên quan trong công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản:

a) Trong quá trình triển khai xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, trên cơ sở rà soát hồ sơ xin ý kiến hoặc theo ý kiến của thành viên HĐQT, Thư ký công ty có quyền yêu cầu các đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến và/hoặc các đơn vị có liên quan đến nội dung xin ý kiến cung cấp thông tin, bổ sung tài liệu, báo cáo để làm rõ nội dung xin ý kiến và hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến. Các đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thư ký công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của các thông tin do mình cung cấp

b) Đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến có trách nhiệm cung cấp tài liệu xin ý kiến bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh cho Thư ký công ty trong trường hợp cần xin ý kiến thành viên HĐQT là người nước ngoài và/hoặc khi hồ sơ xin ý kiến bao gồm tài liệu bằng tiếng nước ngoài. Nội dung tài liệu xin ý kiến bằng tiếng Việt và tiếng Anh phải đảm bảo đầy đủ, chính xác và đồng nhất về nội dung. Cấp ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

c) Trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, Thư ký công ty có quyền yêu cầu đơn vị đầu mối gửi các tài liệu trong hồ sơ xin ý kiến dưới dạng file điện tử. Đơn vị gửi file điện tử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng nhất về nội dung và đồng dạng giữa tài liệu dưới dạng file điện tử với tài liệu giấy trong hồ sơ xin ý kiến

huu

9. Hồ sơ xin ý kiến HĐQT bằng văn bản lưu tại Thư ký công ty bao gồm các tài liệu sau:

- a) Phiếu lấy ý kiến: bản gốc
- b) Tài liệu đính kèm Phiếu lấy ý kiến: bản chính
- c) Các tài liệu bổ sung thông tin, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các thành viên HĐQT (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này: bản chính;
- d) Biên bản tổng hợp ý kiến: bản gốc
- e) Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (nếu có): bản chính;
- f) Các tài liệu khác theo quyết định của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

mu

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội

đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì

Mu

tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm bảy (07) Chương, hai mươi lăm (25) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

nu

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật, Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng

me



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV**

Số: 312/QĐ-BSC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát**” của Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 967/QĐ-BSC ngày 17/12/2024 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Các thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản Trị, Ban Điều hành, Trưởng ban Kiểm toán nội bộ, Trưởng phòng tại Trụ sở chính và Chi nhánh, Giám đốc chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu BSC./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Thủy

MỤC LỤC

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	4
CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát	4
Điều 4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.....	4
CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	5
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	5
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát	6
Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát.....	6
Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	7
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	7
Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	8
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	8
CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT.....	9
Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....	9
Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 16. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	12
CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 17. Cuộc họp Ban Kiểm soát	12
Điều 18. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát	13
Điều 19. Thông qua quyết định tại cuộc họp của Ban Kiểm soát	14
Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát	14
Điều 21. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát.....	14
CHƯƠNG 5. PHƯƠNG THỨC VÀ NỘI DUNG GIÁM SÁT, KIỂM TRA.....	15
Điều 22. Phương thức và nội dung giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát	15
CHƯƠNG 6. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	15

Handwritten signature

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm	15
Điều 24. Tiền lương và quyền lợi khác	16
Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan	17
CHƯƠNG 7. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN.....	18
Điều 26. Chế độ cung cấp thông tin	18
Điều 27. Chế độ quản lý thông tin.....	18
CHƯƠNG 8. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	18
Điều 28. Quan hệ với cổ đông.....	18
Điều 29. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.....	18
Điều 30. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	20

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 712/QĐ-BSC ngày 18/04/2025
của Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV)

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ, hoạt động, trách nhiệm, chế độ làm việc và thông tin, mối quan hệ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (sau đây gọi tắt là Công ty) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng điều chỉnh: Quy chế này áp dụng đối với Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát, các đơn vị, cá nhân tại Công ty có liên quan trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu cùng nghĩa được quy định tại các văn bản pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Điều 3. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.

2. Các báo cáo, kết luận, kiến nghị, ý kiến do Ban Kiểm soát lập gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý; không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Công ty;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 7 Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên

đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián

đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông tại khoản 6 Điều này.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 16 Quy chế này.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ).

25. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

26. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Cuộc họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất 2 lần trong 1 năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng Ban triệu tập và làm chủ tọa.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Trưởng Ban Kiểm soát; .
- d) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
- e) Tổng Giám đốc;

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

5. Thành viên Ban Kiểm soát được coi là tham dự và có ý kiến tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và có ý kiến trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và có ý kiến nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát chấp thuận;
- c) Tham dự và có ý kiến thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu ý kiến đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử cá nhân của thành viên Ban Kiểm soát;
- đ) Gửi phiếu ý kiến bằng phương tiện khác phù hợp với quy định trong Điều lệ công ty.

6. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên của Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 18. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, Bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát trước khi tiến hành họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát bao gồm: nội dung, chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được

Handwritten signature

kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự.

Điều 19. Thông qua quyết định tại cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát.

2. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

3. Việc thông qua quyết định của Ban Kiểm soát tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định có liên quan.

Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng bằng tiếng Việt (có thể bằng Tiếng Anh nếu cần thiết) và phải được tất cả các Thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp (nếu có) chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát và ký tên vào Biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại Ban Kiểm soát.

Điều 21. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát bằng văn bản. Ý kiến bằng văn bản được gửi đến tất cả các thành viên và tất cả các thành viên đều phải có ý kiến trả lời. Ý kiến trả lời hợp lệ phải được ký hoặc gửi từ email cá

MU

nhân của các thành viên Ban Kiểm soát và gửi về Công ty theo quy định. Ý kiến trả lời bằng một trong hai hình thức trên có giá trị tương đương nhau.

2. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

CHƯƠNG 5. PHƯƠNG THỨC VÀ NỘI DUNG GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 22. Phương thức và nội dung giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm tra thông qua các phương thức sau:

1. Giám sát từ xa.

Căn cứ vào các tài liệu, báo cáo của Công ty gửi về Ban Kiểm soát, thông tin trên mạng Công ty và các báo cáo tài chính, báo cáo khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và các thông tin, tài liệu cần thiết khác, Ban Kiểm soát đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, nhận xét và kiến nghị những vấn đề cần phải chấn chỉnh để kịp thời khắc phục các sai phạm hoặc những điểm chưa hợp lý.

2. Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp.

Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp là việc tổ chức thực hiện kiểm tra để xác định tính đúng đắn, trung thực của kết quả hoạt động kinh doanh, số liệu báo cáo, hạch toán và việc triển khai thực hiện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty có đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chủ trương và Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong định hướng phát triển của Công ty, các quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

Ban Kiểm soát có thể thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp hoặc khi xét thấy cần thiết, tiến hành phúc tra kết quả các cuộc kiểm tra và các kiến nghị Ban Kiểm soát, Đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ và tổ chức kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG 6. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:



1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 24. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt

quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG 7. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN

Điều 26. Chế độ cung cấp thông tin

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Các tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp tài liệu, số liệu phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực, chính xác của các tài liệu, số liệu đã cung cấp.

Điều 27. Chế độ quản lý thông tin

Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

CHƯƠNG 8. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quan hệ với cổ đông

1. Ban Kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty

Điều 29. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

1. Mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị Công ty: Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

a) Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

b) Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thông báo độc lập tình hình, kết quả kiểm soát và những kiến nghị cần thiết cho Hội đồng quản trị Công ty. Khi nhận được thông tin, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện kết luận của Hội đồng quản trị.

c) Ban Kiểm soát có thể tham dự họp Hội đồng quản trị Công ty, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề tại cuộc họp nhưng không được tham gia biểu quyết.

d) Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

2. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Ban Điều hành: Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể:

a) Trong quan hệ công tác, về một số vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính — kế toán, Ban Điều hành có thể tham khảo ý kiến của Ban Kiểm soát.

b) Qua theo dõi, giám sát hoạt động của Công ty, trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện các vấn đề cần sửa đổi, xử lý, hay có vấn đề cần khuyến cáo, lưu ý thì Ban Kiểm soát có thể trao đổi trực tiếp với Tổng Giám đốc hoặc thông báo bằng văn bản cho Tổng Giám đốc để có biện pháp xử lý thích hợp.

3. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và hệ thống kiểm tra - kiểm toán nội bộ:

a) Ban Kiểm soát thông qua Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc sử dụng hệ thống kiểm tra - kiểm toán nội bộ tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy định, quy chế của Công ty.

b) Phòng Kiểm soát nội bộ/Ban Kiểm toán nội bộ Công ty có nhiệm vụ thông tin chương trình kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đề cương kiểm tra, kiểm toán và báo cáo cho Ban Kiểm soát biết những kết quả kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các đơn vị, các khiếu nại, tố cáo thuộc Công ty do phòng Kiểm soát nội bộ/ Ban kiểm toán nội bộ giải quyết theo quy định hiện hành.

4. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và các Ban/Phòng nghiệp vụ trực thuộc các đơn vị trong hệ thống Công ty:

a) Ban Kiểm soát thông qua Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên của Công ty giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty để phục vụ việc giám sát kiểm tra.

b) Công ty phải thực hiện nghiêm túc việc gửi đúng kỳ hạn và đầy đủ các thông tin báo cáo theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 30. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG 9. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm chín (09) Chương, ba mươi một (31) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.
3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật; Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (sau đây gọi là “**Công ty**”).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, người tham dự họp Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền hợp lệ cho người khác tham dự Đại hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.



2. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự Đại hội đồng cổ đông được, nếu muốn ủy quyền thì có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định của BSC cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội, hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Ban Tổ chức Đại hội chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trước 8h30 ngày 17/04/2025).

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau: (i) Thông báo mời họp; (ii) Giấy tờ tùy thân (CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực) hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp cổ đông là tổ chức), (iii) Giấy ủy quyền (nếu là đại diện được ủy quyền của cổ đông) để làm các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ.

3. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

4. Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty sẽ thông báo công khai chương trình Đại hội. Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết tùy theo từng vấn đề.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp đã khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

7. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi là "**Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**") do Hội đồng quản trị thông qua, có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình;
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội;

- Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu gồm một Trưởng ban và một số ủy viên không phải là các ứng viên vào thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban Kiểm soát, do Chủ tọa giới thiệu, đề xuất và được Đại hội biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Hướng dẫn cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Thẻ biểu quyết;

- Kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại và báo cáo kết quả biểu quyết để Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội;

b) Đối với việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát:

- Hướng dẫn Quy chế bầu thành viên Ban Kiểm soát;

- Hướng dẫn cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Phiếu bầu cử;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, bầu cử của các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- Phân phát và thu phiếu bầu cử;

- Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 5. Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cuối cùng.

3. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành Đại hội một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không qua 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:



- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
5. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 7. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong thời gian ½ ngày.
2. Sau khi hoàn thành các thủ tục khai mạc để buổi họp được diễn ra hợp lệ, chương trình và nội dung họp sẽ được Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua.

Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội và thảo luận trước khi biểu quyết thông qua từng vấn đề trong nội dung trên.

Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 8. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

1. Cổ đông phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Phải giơ tay xin ý kiến của Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa đồng ý. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.
 - b) Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
 - c) Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
 - d) Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.

2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Ngắn gọn, rõ ràng và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua.

b) Tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

c) Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

d) Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 9. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các vấn đề theo các hình thức sau:

a) Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng Thẻ biểu quyết;

b) Biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tới dự họp, khi đó người đại diện ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp;

c) Gửi phiếu biểu quyết vắng mặt bằng thư đảm bảo đến Ban Tổ chức Đại hội chậm nhất một ngày trước khi khai mạc cuộc họp (trước 08h30 ngày 17/04/2025). Trong trường hợp này, Trưởng ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Hình thức biểu quyết các vấn đề

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội được thực hiện bằng hai (02) hình thức: biểu quyết vắng mặt qua Phiếu biểu quyết vắng mặt (theo mẫu) được gửi kèm Thông báo mời họp tới cổ đông theo quy định và biểu quyết trực tiếp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

a) Đối với trường hợp biểu quyết vắng mặt bằng Phiếu biểu quyết: cổ đông sẽ cho ý kiến Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung cụ thể và gửi lại cho Ban tổ chức theo thời hạn quy định.

b) Đối với trường hợp biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ biểu quyết cho từng nội dung trong chương trình Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung biểu quyết.

Ban Kiểm phiếu sẽ có trách nhiệm kiểm phiếu cả 02 hình thức biểu quyết này và thông báo cho Chủ tọa để thông báo kết quả tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế bầu cử thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 10. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản của Đại hội. Biên bản và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội được đọc tại Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cùng các tài liệu kèm theo được công bố thông tin theo quy định pháp luật và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 Chương, 11 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua ngày 18/04/2025 và có hiệu lực ngay khi được thông qua.

2. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA 




NGÔ VĂN DŨNG

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

**QUY CHẾ BẦU CỬ THAY THẾ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Việc bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“**Công ty**”) được tiến hành theo những điều khoản sau đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Quy chế này được sử dụng cho việc bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội hợp lệ (sau đây gọi tắt là “cổ đông”).

Điều 2. Bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu thay thế:

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu thay thế của nhiệm kỳ 2021-2026 là 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bầu thay thế

Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bầu thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2021 - 2026.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải thỏa mãn các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty.

c) Thành viên Ban Kiểm soát Công ty có thể đồng thời làm thành viên Ban Kiểm soát của tối đa năm (05) công ty khác.

d) Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.

Điều 3. Nguyên tắc đề cử

1. Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.

2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

1. Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát (theo mẫu).
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu).

3. Bản sao chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- a) Căn cước công dân/Hộ chiếu.
- b) Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn.

Điều 5. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử

Đơn ứng cử hoặc Đề cử ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên được gửi trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thì hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử phải được gửi tới theo địa chỉ và theo thời gian như sau:

a) Địa chỉ nhận hồ sơ ứng cử, đề cử

- Văn phòng Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV, Tầng 8 Tòa nhà Thaiholdings, 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Điện thoại: +(84-24) 39352722

Fax: +(84-24) 33816699

- Email: IR@bse.com.vn

Hồ sơ phải được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (có đảm bảo). Trường hợp hồ sơ là bản fax thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Thời gian nhận hồ sơ đề cử, ứng cử: Đến trước 8h30 ngày 17/04/2025

Điều 6. Phương thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu/được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 7. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử do Công ty phát hành, có dấu treo của Công ty, tên cổ đông, mã số cổ đông và số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện tương ứng. Cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử:

a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu biểu quyết" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b) Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu biểu quyết".

c) Cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên; hoặc bầu cho tất cả các ứng cử viên.



d) Tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số hay tất cả các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

3. Phiếu bầu hợp lệ:

Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Tổng số lượng phiếu biểu quyết nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phiếu không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty; hoặc

b) Phiếu không nguyên vẹn, gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới); hoặc

c) Phiếu bầu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc Danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; hoặc

d) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền); hoặc

e) Phiếu không bỏ vào hòm phiếu hoặc nộp sau khi Ban Kiểm phiếu đã mở hòm phiếu;

f) Phiếu chưa có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc chữ ký không giống với chữ ký khi đăng ký dự họp.

Các phiếu không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 8. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát. Việc bỏ phiếu kết thúc ngay sau khi cổ đông cuối cùng đã bỏ phiếu vào hòm phiếu.

2. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

3. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Quy chế bầu cử này.

2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử này hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản bao gồm:

- a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- b) Thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c) Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
- d) Tổng số cổ phần của cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia bỏ phiếu; số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
- e) Kết quả bầu cử;
- f) Chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Kết quả trúng cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.

Điều 11. Khiếu nại

Các cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Ngô Văn Đông

Số: 333/BC-BSC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**V/v: Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng hoạt động năm 2025****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty**

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung Báo cáo Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

1. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2024**1.1. Bối cảnh Kinh tế – xã hội năm 2024**

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục trên đà phục hồi với mức tăng trưởng ước đạt 3,2%, tương đương năm trước (theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế – IMF). Tuy nhiên, đà phục hồi này không đồng đều giữa các khu vực, phản ánh sự phân hóa rõ nét giữa nhóm nền kinh tế phát triển và đang phát triển, cũng như giữa các lĩnh vực dịch vụ và sản xuất. Điểm sáng đáng chú ý là xu hướng giảm của lạm phát tại nhiều quốc gia, đặc biệt tại Mỹ và khu vực EU, tạo dư địa để các ngân hàng trung ương điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng và ổn định thị trường tài chính. Trong bối cảnh đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã bắt đầu thực hiện một số đợt giảm lãi suất từ nửa cuối năm 2024, góp phần hỗ trợ tăng trưởng.

Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với hàng loạt thách thức đáng kể. Căng thẳng địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông tiếp tục leo thang, gây gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng và đẩy giá dầu lên cao, tác động trực tiếp đến lạm phát và tăng trưởng. Trong khi đó, sự cạnh tranh công nghệ và thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt, với các biện pháp kiểm soát xuất khẩu làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, những vấn đề về nợ công, biến đổi khí hậu và rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn là mối lo ngại lớn đối với nhiều quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng GDP 7,09%, cao thứ hai trong vòng 5 năm trở lại đây. Động lực chính đến từ ngành dịch vụ với mức tăng 7,38%, nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của du lịch và tiêu dùng nội địa. Ngành công nghiệp cũng ghi nhận mức tăng 8,32%, nhờ sự phục hồi của hoạt động sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt trong các lĩnh vực như điện tử và linh kiện, máy móc thiết bị, nông thủy sản và dệt may. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 786,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3% và nhập khẩu tăng 16,7%, với Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của tiêu dùng nội địa vẫn chưa đạt mức kỳ vọng, chỉ ở mức 8,96%, cho thấy sức mua của người dân chưa thực sự bùng nổ.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 trải qua nhiều biến động do tác động đan xen của các yếu tố trong nước và quốc tế. Chỉ số VN-Index dao động trong khoảng 1.200 – 1.300 điểm, được hỗ trợ bởi chính sách tiền tệ thuận lợi và dòng tiền nội địa, vốn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của thị trường. Tuy vậy, áp lực bán ròng kỷ lục từ khối ngoại, lên tới 92.565 tỷ đồng, phản ánh tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư nước ngoài trước những bất ổn kinh tế toàn cầu và tình hình chênh lệch lãi suất giữa trong và ngoài nước. Đồng thời, nỗ lực từ Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) trong việc tháo gỡ rào cản, cải thiện tính minh bạch và thúc đẩy quá trình nâng hạng thị trường đã tạo ra những tín hiệu tích cực đáng lưu ý. Tuy nhiên, tác động từ chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn, cùng với những biến động vĩ mô toàn cầu, vẫn là yếu tố gây áp lực lên thị trường, khiến TTCK Việt Nam trong năm 2024 có nhiều biến động và chưa đạt được sự bứt phá như mong đợi.

1.2. Kết quả kinh doanh của BSC năm 2024

Năm 2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh khả quan, bám sát kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 515,6 tỷ đồng, tăng 1% so với năm 2023, với sự đóng góp tích cực của các hoạt động môi giới, cho vay ký quỹ và tự doanh. Đây cũng là năm thứ ba liên tiếp BSC ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế vượt 500 tỷ đồng, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 8,5%/năm, với tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2024 đạt 10.315 tỷ đồng, tăng 24% so với cuối năm 2023. Bên cạnh đó, nền tảng khách hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với 18.346 tài khoản mở mới, đạt 117% kế hoạch năm, phản ánh sự tin tưởng của nhà đầu tư đối với dịch vụ và sản phẩm của BSC.

Về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, năm 2024 đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc tối ưu hóa nền tảng giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công ty đã hoàn thiện dự án Webtrading giai đoạn 2, triển khai thành công website mới và ứng dụng tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) vào các nghiệp vụ nội bộ, giúp nâng cao hiệu suất vận hành. Đồng thời, BSC cũng đã hoàn thành xây dựng Chiến lược chuyển đổi số trung và dài hạn để triển khai ngay từ đầu năm 2025. Những nỗ lực này không chỉ giúp công ty gia tăng năng lực cạnh tranh mà còn đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Với những thành tích ấn tượng trong năm 2024, BSC tiếp tục nhận được sự ghi nhận và đánh giá cao từ thị trường cũng như các tổ chức uy tín. Công ty vinh dự nhận được Giải thưởng *"Nhà Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024"* do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng, khẳng định chất lượng dịch vụ và sự chuyên nghiệp trong hoạt động môi giới chứng khoán. Đồng thời, BSC cũng được Bộ Tài chính trao tặng các Bằng khen *"Đã có thành tích đóng góp trong xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2020-2024"* và Bằng khen *"Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế -*

xã hội của đất nước". Những giải thưởng và vinh danh này không chỉ là sự công nhận cho những nỗ lực của BSC trong việc phát triển thị trường tài chính, mà còn là động lực thúc đẩy công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng và cộng đồng.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC hiện bao gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT
5	Ông Lim Do Kyoan	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị của BSC đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán, với cơ cấu đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm nhiệm điều hành, không điều hành và thành viên HĐQT độc lập.

2.2. Vai trò, trách nhiệm và hoạt động của HĐQT trong năm 2024

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo sự vận hành thống nhất, hiệu quả của Công ty. Đồng thời, HĐQT tiến hành công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất. HĐQT cũng đã nhanh chóng và kịp thời quyết định các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra thông suốt, hiệu quả.

Trong năm 2024, để thông qua các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp tập trung và 140 lần xin ý kiến bằng văn bản, qua đó ban hành tổng cộng 179 nghị quyết/quyết định. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức nhằm mục đích thảo luận, bàn bạc và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền, đảm bảo chỉ đạo kịp thời, phù hợp với biến động của thị trường trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của BSC.

Danh mục các cuộc họp của HĐQT, tỷ lệ tham dự của từng thành viên và số lượng nghị quyết/quyết định quan trọng được ban hành đều được công bố đầy đủ trong Báo cáo quản trị Công ty, tuân thủ đúng các quy định áp dụng đối với tổ chức niêm yết và công ty đại chúng.

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2024 như sau:

- Ban hành Chính sách quản trị rủi ro năm 2024;
- Thông qua Báo cáo quản trị Công ty năm 2023 và Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng đầu

năm 2024;

- Thông qua Chiến lược đầu tư Giấy tờ có giá của Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Chính phủ năm 2024;
- Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Doanh nghiệp năm 2024;
- Thông qua Chiến lược đầu tư Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Hợp đồng tương lai và Chứng quyền năm 2024;

- Bổ sung quy hoạch cán bộ BSC;
- Giao KPI Công ty năm 2024;
- Thông qua nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ 2024;
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 23/04/2024 đúng quy định của pháp

luật và Điều lệ Công ty;

- Phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024;
- Phê duyệt Mô hình tổ chức và Quy chế tổ chức của Công ty;
- Thành lập các Khối, Phòng, Trung tâm theo Mô hình tổ chức mới;
- Kiện toàn nhân sự theo Mô hình tổ chức mới;
- Ban hành Quy định Phòng, chống rửa tiền tại BSC;
- Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch điều hành nội bộ Công ty năm 2024;
- Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ;
- Chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu;
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty và cập nhật vốn điều lệ mới tại Điều lệ Công

ty;

- Ban hành thay thế quy định về phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty;

- Ban hành Kế hoạch dự phòng tình huống khẩn cấp của BSC;
- Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Chứng quyền có bảo đảm;
- Ban hành Quy chế Công bố thông tin mới;
- Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá KPI Công ty và quyết toán quỹ lương Công ty

năm 2024;

- Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty;
- Quyết định các vấn đề trọng yếu theo phân cấp, thẩm quyền;
- Chỉ đạo công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định;
- Đôn đốc và giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch Kinh doanh năm 2024;
- Thông qua các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
- Thông qua các văn bản chế độ thuộc thẩm quyền HĐQT.

(Chi tiết về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua trong Phụ lục 01 và 02 đính kèm)

2.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát từ HĐQT và phải chịu trách nhiệm trước HĐQT cũng như pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Để đảm bảo hiệu quả giám sát, HĐQT thực hiện các hình thức giám sát như sau:

- **Giám sát qua hệ thống báo cáo:** Thông qua chế độ thông tin báo cáo HĐQT định kỳ và đột xuất.

- **Giám sát qua các đơn vị hỗ trợ:** Bao gồm Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách Phát triển, và Tiểu ban Nhân sự Tiền lương.

- **Giám sát trực tiếp:** Thông qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT để thực hiện kiểm tra, giám sát và đưa ra chỉ đạo đối với Ban điều hành, trên cơ sở nguyên tắc trung thực, cần trọng và khách quan.

HĐQT ban hành các nghị quyết để thông qua các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền. Đồng thời, trong phạm vi quyền hạn, HĐQT cung cấp định hướng chiến lược, nhận định về thị trường và bối cảnh kinh tế tổng quan nhằm hỗ trợ rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

HĐQT cũng thường xuyên trao đổi và tiếp nhận thông tin từ Ban Điều hành cùng các đơn vị, tiểu ban trực thuộc, đảm bảo giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch kinh doanh. Khi cần thiết, HĐQT đưa ra các điều chỉnh để đạt được các mục tiêu chiến lược mà BSC đã đề ra.

2.4. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Mô hình quản trị công ty đã kiến tạo toàn các Ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương và Tiểu ban Chính sách phát triển để tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Các Ban/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề chuyên môn như sau:

- **Ban Kiểm toán nội bộ:**
 - + Rà soát Báo cáo tài chính và Chỉ tiêu an toàn tài chính;
 - + Kiểm toán hoạt động Phòng chống rửa tiền trong năm 2023 tại BSC;
 - + Thực hiện 06 cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch;
 - + Báo cáo đánh giá định kỳ tình hình, hiệu quả hoạt động và các rủi ro thua lỗ tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Rà soát hệ thống văn bản nội bộ tại BSC và khuyến nghị sửa đổi, cập nhật.
- **Tiểu ban Quản trị rủi ro:**
 - + Tham mưu cho HĐQT ban hành Chính sách quản trị rủi ro 2024 và xây dựng Chính

sách Quản trị rủi ro năm 2025;

- + Tham mưu cho HĐQT các phương án xử lý đối với rủi ro trong danh mục đầu tư;
- + Tham mưu cho HĐQT xử lý kịp thời các vướng mắc trong công tác QTRR dựa trên báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Phòng QTRR và các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR.

- **Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương:**

- + Tham mưu cho HĐQT về công tác Xếp loại thi đua khen thưởng của năm 2023;
- + Tham mưu cho HĐQT về công tác quy hoạch cán bộ;
- + Tham mưu cho HĐQT về công tác khen thưởng cán bộ;
- + Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Mô hình tổ chức mới và dự thảo Quy chế tổ chức Công ty;

- + Tham mưu cho HĐQT về công tác kiện toàn nhân sự theo Mô hình tổ chức mới;
- + Tham mưu cho HĐQT về công tác xếp lương đối với cán bộ sau khi kiện toàn theo Mô hình tổ chức mới;

- + Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Dự thảo Quy chế chi trả thu nhập;

- + Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Dự thảo Quy chế giao và đánh giá KPI.

- **Tiểu ban Chính sách phát triển:** Tham mưu cho HĐQT về chiến lược và thực hiện chính sách phát triển của công ty.

2.5. Nội dung hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT BSC tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT chủ động cập nhật kiến thức quản trị, pháp luật, thông tin thị trường và bám sát tình hình hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có đánh giá tổng quan về các thành viên như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Công ty; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.

Cụ thể hoạt động từng thành viên HĐQT trong năm 2024 như sau:

- **Chủ tịch HĐQT: Ông Ngô Văn Dũng:**

- + Quản lý điều hành chung hoạt động của HĐQT và các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;
 - + Chuẩn bị chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - + Đảm bảo việc Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin theo quy định cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, ký thay mặt ĐHĐCĐ trong các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - + Chỉ đạo công tác hoạch định mục tiêu định hướng, chiến lược, kế hoạch của Công ty;
 - + Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
 - + Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - + Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc và từng thành viên;
 - + Tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - + Chỉ đạo chung hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị;
 - + Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.
 - + Thực hiện vai trò Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự
- Tiền lương trực thuộc HĐQT.

- **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Ông Chung Jae Hoon**

- + Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;
 - + Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - + Đầu mối hoạt động điều phối, trao đổi thông tin giữa HĐQT, Ban Điều hành với cổ đông chiến lược;
 - + Chỉ đạo, giám sát việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ;
 - + Chỉ đạo, giám sát hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số và marketing;
 - + Chỉ đạo việc triển khai dự án thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC;
 - + Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền;
 - + Thành viên các Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách phát triển và Tiểu ban Nhân sự
- Tiền lương trực thuộc HĐQT.

- **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Duy Viễn**

- + Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
- + Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý

kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản.

+ Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

+ Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền;

+ Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty;

+ Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban điều hành Công ty đến Hội đồng quản trị;

+ Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị;

+ Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển thuộc HĐQT.

- **Thành viên HĐQT: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc**

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;

+ Đầu mối thực hiện chức năng giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Điều hành;

+ Đầu mối giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, giao và đánh giá KPI của Công ty;

+ Đầu mối giám sát hoạt động quản trị rủi ro;

+ Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT;

+ Đầu mối giám sát việc thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC;

+ Trưởng Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Thành viên HĐQT độc lập: Ông Lim, Do Kyoan**

+ Hỗ trợ Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc hoạch định mục tiêu, định hướng, chiến lược và kế hoạch của công ty.

+ Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;

+ Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị;

+ Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định;

+ Đánh giá định kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Bước vào năm 2025, nền kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội đột phá với sự triển khai đồng bộ của các chính sách kinh tế trọng điểm và hàng loạt dự án đầu tư công quy mô lớn. Đặc biệt, thị trường chứng khoán đang chờ đợi cú hích mạnh mẽ từ việc hệ thống KRX chính thức đi vào vận hành, cùng kỳ vọng nâng hạng từ thị trường “cận biên” lên “mới nổi”. Những cải cách mang tính chiến lược trong khuôn khổ pháp lý, kết hợp với động lực từ các dự án hạ tầng lớn, hứa hẹn mở ra một giai đoạn phát triển mới cho nền kinh tế. Tiềm năng nâng hạng TTCK không chỉ giúp thu hút dòng vốn ngoại mà còn tạo nền tảng củng cố niềm tin nhà đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Trong bối cảnh đó, BSC đặt mục tiêu phát triển mạnh mẽ, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Hội đồng Quản trị (HDQT) cam kết đồng hành chặt chẽ cùng Ban điều hành, định hướng chiến lược và thúc đẩy hoạt động kinh doanh thông qua các trọng tâm sau:

- + **Tăng cường năng lực giám sát và điều hành:** Nâng cao hiệu quả chỉ đạo của HDQT nhằm đảm bảo triển khai kế hoạch kinh doanh một cách hiệu quả, linh hoạt trước biến động thị trường.

- + **Thích ứng linh hoạt, tối ưu hiệu suất:** Theo dõi sát diễn biến kinh tế - tài chính để đưa ra giải pháp kịp thời, gia tăng hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa lợi nhuận và tối đa hóa giá trị cho cổ đông.

- + **Đầu tư mạnh vào công nghệ và đổi mới:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính tiên tiến, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- + **Mở rộng hợp tác chiến lược:** Tận dụng tối đa lợi thế từ cổ đông chiến lược nhằm mở rộng thị phần, nâng cao vị thế trên thị trường và gia tăng giá trị bền vững cho Công ty.

- + **Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiện đại:** Phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng kiểm soát rủi ro, nâng cao năng suất lao động và phúc lợi nhân viên, đồng thời thực hiện trách nhiệm xã hội một cách bền vững.

Với chiến lược bài bản và sự chủ động thích ứng trước xu hướng thị trường, BSC tiếp tục cam kết mang lại giá trị vượt trội cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng, khẳng định vai trò tiên phong trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Kính báo cáo Đại hội!./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VP.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Ngô Văn Dũng

Phụ lục 01: Các cuộc họp HĐQT trong năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Văn Dũng	10/10	100%	-
2	Ông Chung, Jae Hoon	10/10	100%	-
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	10/10	100%	-
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	6/6	100%	- Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2024.
5	Bà Nguyễn Thanh Huyền	3/4	75%	- Vắng mặt tại 01 buổi họp ngày 29/03/2024 vì lý do cá nhân; - Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2024.
6	Ông Lim, Do Kyoan	10/10	100%	-

Phụ lục 02: Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Số	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	10/NQ-BSC	09/01/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
2	33/QĐ-BSC	19/01/2024	Ban hành Chính sách Quản trị rủi ro năm 2024	100%
3	35/NQ-BSC	19/01/2024	Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn/chứng chỉ tiền gửi	100%
4	37/NQ-BSC	19/01/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
5	54/NQ-BSC	25/01/2024	Phê duyệt phương án chi Quỹ lương bổ sung năm 2023	100%
6	55/NQ-BSC	25/01/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
7	113/QĐ-BSC	01/02/2024	Thông qua kết quả xếp loại thi đua đối với lãnh đạo cấp cao, cán bộ quản lý và khen thưởng với các tập thể/cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu năm 2023	100%
8	125/NQ-BSC	06/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
9	129/NQ-BSC	07/02/2024	Thông qua Chiến lược đầu tư Giấy tờ có giá của Tổ chức tín dụng năm 2024	100%
10	130/NQ-BSC	07/02/2024	Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Chính phủ năm 2024	100%
11	131/NQ-BSC	07/02/2024	Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Doanh nghiệp năm 2024	100%
12	135/QĐ-BSC	19/02/2024	Bổ sung quy hoạch cán bộ BSC	100%
13	136/QĐ-BSC	19/02/2024	Giao KPI Công ty năm 2024	100%
14	138/NQ-BSC	19/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
15	139/NQ-BSC	19/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
16	140/NQ-BSC	19/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
17	142/NQ-BSC	20/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
18	143/NQ-BSC	20/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
19	145/NQ-BSC	21/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
20	146/NQ-BSC	21/02/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
21	151/NQ-BSC	22/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
22	198/NQ-BSC	29/02/2024	Thông qua Chiến lược đầu tư Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Hợp đồng tương lai và Chứng quyền năm 2024	100%
23	199/NQ-BSC	29/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
24	200/NQ-BSC	29/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
25	202/NQ-BSC	01/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
26	204/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
27	205/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
28	206/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
29	207/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
30	209/NQ-BSC	06/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%

31	210/NQ-BSC	08/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
32	211/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
33	212/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
34	213/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
35	214/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
36	221/QĐ-BSC	11/03/2024	Thông qua Kế hoạch đào tạo năm 2024	100%
37	224/QĐ-BSC	13/03/2024	Phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu	100%
38	225/NQ-BSC	13/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
39	228/NQ-BSC	15/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
40	240/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
41	241/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
42	242/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
43	243/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
44	244/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
45	245/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
46	246/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
47	247/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
48	248/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
49	249/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
50	252/NQ-BSC	20/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
51	253/QĐ-BSC	21/03/2024	Phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024	100%
52	254/NQ-BSC	21/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
53	256/NQ-BSC	22/03/2024	Phê duyệt Dự thảo Thỏa thuận liên doanh giữa BSC và Edmond de Rothschild (EDRS) trong việc góp vốn thành lập Công ty Quản lý quỹ tại Việt Nam	100%
54	261/NQ-BSC	26/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
55	262/NQ-BSC	26/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
56	268/QĐ-BSC	28/03/2024	Ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc BSC	100%
57	269/NQ-BSC	28/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
58	270/NQ-BSC	28/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
59	271/QĐ-BSC	28/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
60	272/NQ-HĐQT	29/03/2024	Phê duyệt Mô hình tổ chức và Quy chế Tổ chức của Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV	100%
61	273/QĐ-HĐQT	29/03/2024	Ban hành Quy chế Tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	100%
62	277/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Tư vấn Đầu tư	100%
63	278/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Đầu tư và Kinh doanh vốn	100%
64	279/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Trung tâm phân tích	100%
65	280/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Công nghệ thông tin	100%
66	281/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Kiểm soát tuân thủ	100%

67	282/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Chiến lược và Chuyển đổi số	100%
68	283/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối vận hành	100%
69	284/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)	100%
70	285/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Kế hoạch	100%
71	286/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Truyền thông và Marketing	100%
72	287/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Dịch vụ Tài chính	100%
73	288/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Tư vấn Đầu tư Khách hàng VIP 1 Hội sở	100%
74	289/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Tư vấn Đầu tư Khách hàng VIP 2 Hội sở	100%
75	290/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Pháp chế	100%
76	291/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Đầu tư	100%
77	292/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Chính sách Sản phẩm Bán lẻ	100%
78	293/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Trung tâm Tư vấn	100%
79	294/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Đổi tên một số Phòng trực thuộc Chi nhánh	100%
80	295/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Tự doanh Chi nhánh	100%
81	296/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
82	297/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
83	298/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
84	299/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
85	300/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
86	301/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
87	302/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
88	330/NQ-BSC	02/04/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
89	333/QĐ-BSC	03/04/2024	Điều động và giao nhiệm vụ mới đối với cán bộ	100%
90	337/QĐ-BSC	05/04/2024	Ban hành Quy định Phòng, chống rửa tiền	100%
91	346/NQ-BSC	10/04/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
92	351/QĐ-BSC	17/04/2024	Phê duyệt chủ trương tiếp tục ký Hợp đồng lao động với nhân sự Văn phòng HĐQT	100%
93	358/QĐ-BSC	22/04/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
94	359/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
95	360/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
96	361/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
97	362/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lại lương đối với cán bộ	100%
98	365/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
99	366/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
100	418/QĐ-BSC	03/05/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
101	419/QĐ-BSC	03/05/2024	Phân công công tác đối với thành viên HĐQT	100%
102	426/QĐ-BSC	08/05/2024	Phê duyệt việc khen thưởng thành tích tiêu biểu đối với Tổ công tác xây dựng và đàm phán hợp đồng hợp tác thành lập Công ty Quản lý Quỹ giữa BSC và EDR	100%

103	431/QĐ-BSC	13/05/2024	Phê duyệt chỉ khen thưởng động viên công tác quản trị, điều hành năm 2023 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	100%
104	453/NQ-BSC	21/05/2024	Phê duyệt phương án phát hành 10 mã Chứng quyền dựa trên cổ phiếu ACB, FPT, HPG, MBB, MWG, STB, TCB, VHM, VNM và VPB	100%
105	457/QĐ-BSC	22/05/2024	Phê duyệt tiếp tục nắm giữ đầu tư trái phiếu	100%
106	462/NQ-BSC	27/05/2024	Phê duyệt Kế hoạch điều hành của BSC năm 2024	100%
107	465/NQ-BSC	28/05/2024	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của Công ty	100%
108	469/QĐ-BSC	06/06/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
109	480/QĐ-BSC	07/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm toán nội bộ 6 tháng cuối năm 2024	100%
110	481/QĐ-BSC	07/06/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
111	482/QĐ-BSC	07/06/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
112	486/NQ-BSC	12/06/2024	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	100%
113	526/QĐ-BSC	01/07/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
114	634/QĐ-BSC	06/08/2024	Thông qua kết quả xếp loại thi đua và khen thưởng 06 tháng đầu năm 2024	100%
115	635/QĐ-BSC	06/08/2024	Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất tăng vốn điều lệ	100%
116	645/QĐ-BSC	09/08/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
117	647/NQ-BSC	13/08/2024	Phê duyệt phương án đầu tư trái phiếu	100%
118	648/QĐ-BSC	13/08/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
119	664/QĐ-BSC	26/08/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
120	728/NQ-BSC	09/09/2024	Phê duyệt cập nhật Điều lệ Công ty theo Vốn Điều lệ mới	100%
121	730/QĐ-BSC	09/09/2024	Phê duyệt quyết toán Dự án “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Trụ sở mới chi nhánh BSC TPHCM”	100%
122	731/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
123	732/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
124	733/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
125	734/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
126	735/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
127	736/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
128	737/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
129	738/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
130	739/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
131	740/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
132	741/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
133	742/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%

134	745/QĐ-BSC	10/09/2024	Phê duyệt đề xuất thuê Dịch vụ đánh giá xâm nhập hệ thống (CA) và Dịch vụ giám sát an ninh mạng (SOC) cho hệ thống CNTT BSC	100%
135	758/QĐ-BSC	24/09/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
136	759/QĐ-BSC	24/09/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
137	768/QĐ-BSC	30/09/2024	Phê duyệt đầu tư trái phiếu	100%
138	780/QĐ-BSC	07/10/2024	Ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc BSC	100%
139	789/QĐ-BSC	10/10/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
140	797/QĐ-BSC	14/10/2024	Phê duyệt điều chỉnh việc đầu tư trái phiếu	100%
141	802/QĐ-BSC	16/10/2024	Ban hành Kế hoạch dự phòng tình huống khẩn cấp	100%
142	808/QĐ-BSC	18/10/2024	Phê duyệt việc bổ nhiệm lại vị trí Phó Tổng Giám đốc BSC	100%
143	809/QĐ-BSC	18/10/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
144	824/QĐ-BSC	24/10/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
145	836/QĐ-BSC	30/10/2024	Triển khai kế hoạch mua sắm tài sản CNTT năm 2024	100%
146	837/QĐ-BSC	30/10/2024	Phê duyệt đề xuất triển khai chương trình khuyến mại hợp tác với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC) để phát triển khách hàng mở tài khoản mới	100%
147	838/QĐ-BSC	30/10/2024	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
148	898/QĐ-BSC	05/11/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
149	901/QĐ-BSC	12/11/2024	Phê duyệt việc tiếp tục nắm giữ trái phiếu	100%
150	914/QĐ-BSC	18/11/2024	Phê duyệt ký kết Phụ lục Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng cung cấp thông tin kết nối trên hệ thống MIS giữa BSC và BIDV	100%
151	915/QĐ-BSC	18/11/2024	Phê duyệt đề xuất ký kết Thỏa thuận bảo vệ dữ liệu cá nhân giữa BSC và BIDV	100%
152	920/QĐ-BSC	20/11/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
153	922/QĐ-BSC	22/11/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
154	930/QĐ-BSC	28/11/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
155	935/QĐ-BSC	29/11/2024	Ban hành "Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Chứng quyền có bảo đảm"	100%
156	948/QĐ-BSC	06/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
157	950/QĐ-BSC	10/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
158	955/QĐ-BSC	10/12/2024	Phê duyệt việc tiếp tục đầu tư bổ sung trái phiếu	100%
159	957/QĐ-BSC	11/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
160	965/QĐ-BSC	17/12/2024	Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV	100%
161	966/QĐ-BSC	17/12/2024	Ban hành Hạn mức rủi ro và Thông số rủi ro đối với hoạt động CD Flex trong giai đoạn thí điểm	100%
162	969/QĐ-BSC	17/12/2024	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	100%

163	970/QĐ-BSC	17/12/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
164	975/QĐ-BSC	19/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
165	976/QĐ-BSC	19/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
166	977/QĐ-BSC	19/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
167	981/QĐ-BSC	24/12/2024	Ban hành “Quy chế Công bố thông tin”	100%
168	984/QĐ-BSC	24/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
169	987/QĐ-BSC	25/12/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
170	991/QĐ-BSC	26/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
171	993/QĐ-BSC	26/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
172	994/QĐ-BSC	26/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
173	995/QĐ-BSC	27/12/2024	Phê duyệt quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo hình thức kiểm nhiệm năm 2024	100%
174	999/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025	100%
175	1000/QĐ-BSC	31/12/2024	Ban hành Hạn mức và Thông số rủi ro năm 2025	100%
176	1001/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
177	1004/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt chủ trương điều chỉnh bậc lương đối với Ông Chung Jae Hoon - Phó Chủ tịch HĐQT	100%
178	1005/QĐ-BSC	31/12/2024	Điều chỉnh bậc lương đối với cán bộ	100%
179	1007/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt xếp loại đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và Quyết toán quỹ lương năm 2024 của BSC	100%



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Căn cứ khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, Thành viên HĐQT độc lập báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT BSC trong năm 2024 như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thực hiện miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu thay thế 01 thành viên HĐQT. Tổng số lượng thành viên HĐQT đến thời điểm hiện tại của BSC là 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập và 02 thành viên không điều hành. Cơ cấu tổ chức của HĐQT BSC đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm nhiệm điều hành, không điều hành và thành viên HĐQT độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động thuộc thẩm quyền HĐQT, đáp ứng tốt các thông lệ về quản trị công ty.

2. Về cơ chế vận hành hoạt động của HĐQT:

Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp trực tiếp để giải quyết các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng.

Ngoài ra, căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT BSC đã thực hiện 140 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, qua đó ban hành tổng cộng 179 nghị quyết/quyết định để giải quyết các vấn đề quan trọng, chủ trương lớn của Công ty.

Các vấn đề liên quan đến xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, kế hoạch đầu tư, chính sách sản phẩm dịch vụ và hệ thống quản lý nội bộ đều được HĐQT thảo luận, trao đổi chặt chẽ với Ban Điều hành.

3. Về kết quả công tác quản trị và giám sát của HĐQT:

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong công tác quản trị và giám sát đối với Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và kịp thời ra quyết định theo nhu cầu thực tiễn. Cụ thể:

- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường kịp thời để chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát BDH thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông.

- Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm với BDH trong hoạt động kinh doanh và nghiệp vụ quản trị Công ty.

4. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập năm 2024

Cơ cấu tổ chức của HĐQT Công ty hiện nay có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định

của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật hiện hành. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong năm 2024 bao gồm:

- Thực hiện các nhiệm vụ của một Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị và tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề quan trọng của Công ty;
- Giám sát quá trình thực thi các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tham gia biểu quyết về chính sách và chiến lược thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Hỗ trợ Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc xác định mục tiêu, hướng đi, chiến lược và kế hoạch của công ty;
- Đánh giá định kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị và các bộ phận trực thuộc HĐQT;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Kết luận

Trong năm 2024, hoạt động của HĐQT BSC đã được tổ chức, triển khai tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền, trong đó, năm 2024 HĐQT BSC đã: (i)- Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong năm 2024; (ii)- Tất cả các TV, HĐQT đều thực hiện tốt trách nhiệm được phân công, chuyên nghiệp và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty; (iii)- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu do ĐHĐCĐ giao, trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ và tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; (iv)- Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với BDH tích cực tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2024.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT BSC năm 2024.

Kính báo cáo Đại hội./.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Lim Do Kyoona

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v: Kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 ban hành;

Căn cứ Điều lệ CTCP Chứng khoán BIDV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt.

Ban Kiểm soát ("BKS") BSC nhiệm kỳ 2021-2026 đã thực hiện các nội dung giám sát theo quy định pháp luật, Điều lệ BSC, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ liên quan. Tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, BKS kính báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024, kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kết quả giám sát hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT) và Tổng Giám đốc (TGD) trong năm 2024, cụ thể như sau:

1. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC bao gồm ba (03) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban	Được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
2	Bà Vũ Minh Châu	Thành Viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
3	Bà Kang Hee Joung	Thành viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 14/04/2023

2. Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2024

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát, với vai trò đại diện cổ đông BSC, đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, đồng thời kiến nghị các thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công tác quản trị - điều hành Công ty. Những nỗ lực này đã hỗ trợ HDQT và Ban Điều hành trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh cùng các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua.

HDQT và BDH của BSC đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ BSC, phù hợp với Cơ chế trao đổi thông tin giữa HDQT, TGD, và BKS, bộ phận KTNB. Các thành viên BKS, Trưởng KTNB được mời và đã tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ của HDQT; được cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của BSC phục vụ cho công tác giám sát của BKS. Kết quả giám sát, kết quả KTNB cùng các kiến nghị, đề xuất của BKS được gửi đầy đủ tới HDQT, TGD và đã được Ban Lãnh đạo xem xét, chỉ đạo các đơn vị, cá nhân liên quan nghiên cứu thực hiện, báo cáo kết quả định kỳ cho BKS.

BKS đã báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ BSC, Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của BKS trước các cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2024. Trong năm 2024 không phát sinh trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông lớn yêu cầu kiểm tra sổ kế toán, ghi chép kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của BSC. Trưởng BKS và các thành viên đã hoàn thành trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch do BKS đề ra cụ thể:

2.1 Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ BSC, giám sát tình hình triển khai hoạt động kinh doanh năm 2024

Năm 2024, BKS đã giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ BSC, cũng như các quy định nội bộ liên quan.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tại 31/12/2024, tổng tài sản Công ty đạt 10.315 tỷ đồng (tăng 24% so với năm 2023), lợi nhuận trước thuế đạt 515,68 tỷ đồng. Chất lượng tài sản được duy trì tích cực, không phát sinh nợ xấu hay các hạng mục vướng mắc cần xử lý.

2.2 Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHKD năm 2024:

Chỉ tiêu	KHKD 2024	Thực hiện tại 31/12/2024	% hoàn thành kế hoạch 2024
Lợi nhuận trước thuế	550 tỷ đồng	515,68 tỷ đồng	94%
Hệ số an toàn tài chính (%)	≥ 260%	679.95%	Hoàn thành

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt, thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu 10%.

- Thủ lao HDQT, BKS năm 2024:

Trong năm 2024, BSC đã chi trả thủ lao năm 2024 tới thành viên HDQT và BKS theo quy định với tổng số tiền 3.244.180.014 VND, nằm trong phạm vi ngân sách ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, trong đó tổng thù lao cho các thành viên

chuyên trách là 2.986.830.014 VND; Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS theo hình thức kiêm nhiệm là 257.350.000 VND

Như vậy, ngoài việc chưa hoàn thành mục tiêu lợi nhuận chủ yếu do yếu tố khách quan chung từ thị trường, BSC đã thực hiện đầy đủ các nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.

2.3. Giám sát kết quả quản trị - điều hành của HĐQT và Ban Điều hành

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2024, BKS nhận định HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

- Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

Năm 2024, HĐQT đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp trực tiếp. Các thành viên HĐQT tham dự họp đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm, nhằm mục tiêu trao đổi, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền. HĐQT chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của công ty theo diễn biến thị trường, đảm bảo lợi ích và quyền lợi của cổ đông, trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Đồng thời, HĐQT thực hiện 140 lần xin ý kiến bằng văn bản trong năm 2024 để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Với vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, trong năm, HĐQT đã ban hành 179 Nghị quyết/Quyết định ở nhiều khía cạnh hoạt động, làm cơ sở định hướng cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.

- Công tác điều hành của Tổng giám đốc

Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo Công ty triển khai đầy đủ, kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh ở mức tích cực trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Trong bối cảnh TTCK có nhiều biến động, ảnh hưởng tới khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh, Tổng Giám đốc đã thường xuyên, kịp thời báo cáo HĐQT các kết quả hoạt động, khó khăn, vướng mắc trong kinh doanh, đồng thời chủ động đưa ra các quyết định điều hành nhằm giảm thiểu thiệt hại và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

HĐQT, Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, nghị quyết/quyết định của HĐQT và các tài liệu khác phục vụ công tác của BKS. Đại diện BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến độc lập để đảm bảo các quyết định là tối ưu trong duy trì quyền và lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

2.4. Thẩm định báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính trên các

khía cạnh trọng yếu, tuân thủ đầy đủ chuẩn mực kế toán. Công ty đã tổ chức tốt công tác tài chính kế toán, hạch toán và lập báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm đảm bảo chính xác, trung thực và hợp pháp.

Ban Kiểm soát đã xem xét, thống nhất số liệu trong Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên, cả năm 2024; đồng thời đóng góp ý kiến để Ban Điều hành hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, trung thực, cần trọng và nhất quán trong quản lý, kế toán.

Các báo cáo tài chính và tỷ lệ an toàn tài chính đã tuân thủ quy định hiện hành, được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập uy tín, phản ánh đúng và trung thực tình hình tài chính tại từng thời điểm. Báo cáo được công bố kịp thời, đúng quy định dành cho công ty niêm yết.

2.5. Giám sát và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành rà soát và giám sát định kỳ các hoạt động của Công ty. Qua quá trình này, Ban Kiểm soát đã nhận diện các vấn đề và rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các kiến nghị cho HĐQT và Ban Điều hành để chỉ đạo khắc phục, xử lý.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cơ chế cảnh báo sớm, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

2.6. Công tác rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2024, Công ty có hợp đồng/giao dịch với 04 Bên có liên quan. Qua rà soát, các hợp đồng/giao dịch kể trên là hợp đồng dịch vụ, giao dịch thường xuyên với BIDV hoặc các bên có liên quan để phối hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng, phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm. Đây đều là những giao dịch đảm bảo lợi ích của BSC, góp phần gia tăng nguồn vốn cho Công ty và thúc đẩy hợp tác bán hàng với các bên liên quan, qua đó góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và lợi ích cổ đông. *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

II. Định hướng hoạt động năm 2025

Dựa trên chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát, BKS dự kiến các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động của BSC, tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị - điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.
- Theo dõi việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.
- Tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định.
- Giám sát việc ban hành, sửa đổi các văn bản nội bộ của Công ty, nhằm đáp ứng yêu cầu từ cơ quan quản lý hoặc khi có thay đổi trong các văn bản pháp lý liên quan.
- Thẩm định và soát xét tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, xem xét các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty.

thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định.

III. Kiến nghị đối với Công ty trong năm 2025

Dựa trên kết quả giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2024, Ban Kiểm soát đề xuất các kiến nghị cho năm 2025 như sau:

- Năm 2025, các diễn biến khó lường về xung đột địa chính trị giữa các cường quốc và rủi ro về chính sách thương mại của Mỹ đối với Việt Nam khiến tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, biến động. Do đó, BSC cần linh hoạt trong công tác điều hành, kịp thời cập nhật thông tin, phân tích tình hình, diễn biến thị trường, đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời để có thể hoàn thành các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao phó.

- Công ty cần duy trì các hoạt động trao đổi, hợp tác toàn diện với đối tác chiến lược Hana Securities về nghiệp vụ chuyên môn, quản trị - điều hành, chuyển đổi số cũng như phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiện đại; phối hợp khai thác nền khách hàng Hàn Quốc của Hana Securities để gia tăng lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để nâng cấp tính năng, gia tăng tính ổn định, an toàn của hệ thống, bổ sung các tiện ích giao dịch và sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công tác kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm phát hiện, cảnh báo và đề xuất các biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là toàn bộ các nội dung báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Thủy

Phụ lục: Các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	GCNĐKDN 0100150619 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024	Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	2024		- Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV 105.459.376.360 VND - Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV 707.225.364.754 VND - Chứng chi tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn 90.000.000.000 VND - Dự thu lãi tiền gửi và chứng chi tiền gửi và trái phiếu 3.507.945.208 VND - Phải thu phí dịch vụ 60.000.000 VND - Phải trả phí dịch vụ giao dịch cho BIDV 752.145.563 VND - Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ cho BIDV 1.182.143.580 VND - Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng 105.456.948.772 VND	

							- Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chi tiền gửi, trái phiếu 29.877.462.972 VND - Doanh thu lưu ký khác 118.181.819 VND - Chi phí dịch vụ giao dịch 31.247.621.470 VND - Chi phí dịch vụ thanh toán 305.024.308 VND	
						Quyết định số 914/QĐ-BSC ngày 18/11/2024	Phê duyệt ký kết Phụ lục Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng cung cấp thông tin kết nối trên hệ thống MIS giữa BSC và BIDV	
						Quyết định số 915/QĐ-BSC ngày 18/11/2024	Phê duyệt đề xuất ký kết Thỏa thuận bảo vệ dữ liệu cá nhân giữa BSC và BIDV	
						Quyết định số 965/QĐ-BSC ngày 17/12/2024	Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV	
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV	0100931299	Tầng 11, 263 Cầu Giấy, Hà Nội	2024		- Doanh thu phí môi giới chứng khoán 344.403.405 VND - Doanh thu phí lưu ký 36.973.101 VND - Chi phí mua bảo hiểm 1.078.140.172 VND	

						Quyết định số 837/QĐ-BSC ngày 30/10/2024	Phê duyệt đề xuất triển khai chương trình khuyến mại hợp tác với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC) để phát triển khách hàng mở tài khoản mới	
3	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV	B7.09.148	#370, Monivong Blvd, Boeung Keng Kang I, Chamkarm on, Phnom Penh, Cambodia	2024		- Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn 31.780.822 VND	
4	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	CB1827	82, Uisadang- daero, Youngdeun gpo-gu, Seoul	2024		- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 70.988.440.000 VND - Chi phí cho nhân sự phải cử 9.005.827.436 VND	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**V/v: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và dự kiến KHKD năm 2025****Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN 1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024**I. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2024**

- **Kinh tế vĩ mô:** Trong bối cảnh nền kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam được điều hành ổn định, tăng trưởng GDP đạt 5,05%, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, các cân đối lớn được bảo đảm. Chính sách nới lỏng tiền tệ, dòng tiền nội địa mạnh mẽ và nỗ lực cải thiện của cơ quan quản lý là những **điểm sáng** hỗ trợ thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, áp lực từ, tỷ giá, chênh lệch lãi suất và chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn vẫn là **thách thức** đáng kể.

- **Thị trường chứng khoán:** Sau giai đoạn tăng điểm trong Quý I, thị trường bước vào giai đoạn điều chỉnh và đi ngang trước việc bán ròng kỷ lục của khối Ngoại cũng như áp lực tỷ giá. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12% so với cuối năm 2023. VNIndex trải qua nhiều biến động trong vùng 1.200 – 1.300 điểm cùng thanh khoản 6 tháng cuối năm sụt giảm mạnh (bình quân đạt khoảng 18 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 27% so với 6 tháng đầu năm) cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.

II. Đánh giá hoạt động của BSC năm 2024**1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh**

Kết quả kinh doanh năm 2024 của BSC được đặt trong bối cảnh thanh khoản thị trường suy giảm mạnh trong nửa cuối năm, đạt bình quân 21.017 tỷ đồng/phiên, thấp hơn 9% so với giả định khi xây dựng KHKD 2024 ở mức 23.000 tỷ đồng/phiên. Thị trường trái phiếu phục hồi còn chậm, trong khi các quy định pháp lý liên quan có xu hướng thắt chặt hơn, tạo thêm thách thức cho doanh nghiệp, các nhà đầu tư và hoạt động tư vấn tài chính.

Trong bối cảnh các điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn cùng áp lực cạnh tranh gay gắt trong ngành, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, kết thúc năm 2024, BSC đạt kết quả kinh doanh khả quan, các mảng hoạt động kinh doanh nhìn chung đều tăng trưởng.

Bảng: Kết quả các chỉ tiêu kinh doanh năm 2024

STT	Chỉ tiêu	TH2024	KH2024	
			Giá trị	% TH/KH
1	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	515,68	550	94%
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	679,95%	>260%	100%

- *Lợi nhuận trước thuế* năm 2024 đạt ~**515,68 tỷ đồng**, tăng 1,3% so với mức thực hiện năm 2023.

- *Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng* được duy trì ở mức cao. Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty là 679,95% ở vào nhóm tốt theo quy định của UBCKNN.

2. Tình hình các mảng hoạt động kinh doanh

2.1. Hoạt động môi giới

- *Tổng doanh thu hoạt động môi giới* của BSC đạt 314,1 tỷ đồng, tăng 5% so với mức thực hiện năm 2023. Hoạt động môi giới trong năm 2024 tiếp tục chịu nhiều áp lực cạnh tranh gia tăng khi thị trường chạy đua giảm phí giao dịch “0 đồng” cho khách hàng hoặc áp dụng hoa hồng tới 90% cho đối tác giới thiệu.

- Về thị phần môi giới:

+ Thị phần môi giới cổ phiếu của BSC đạt 2,34%, giảm so với mức 2,59% của năm 2023 do các áp lực cạnh tranh gay gắt. Đối mặt với những thách thức, BSC vẫn đạt **Top 7** thị phần môi giới trên sàn HNX, tăng 2 hạng so với năm 2023 và đạt **Top 10** thị phần môi giới trên sàn Upcom;

+ BSC tiếp tục phát huy và giữ vững vị thế khi nằm trong **Top 4** CTCK có thị phần môi giới TPCP lớn nhất trên sàn HNX, đồng thời được **Bộ Tài Chính trao tặng bằng khen ghi nhận đóng góp trong mảng trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020-2024**.

- Về phát triển khách hàng:

+ Trong năm, BSC liên tục nghiên cứu và chủ động điều chỉnh chính sách sản phẩm phù hợp theo mỗi phân khúc, đảm bảo tính cạnh tranh, thúc đẩy khách hàng giao dịch. Trong năm 2024 có hơn 18.3 nghìn tài khoản mở mới tại BSC, nâng số lượng tài khoản quản lý lên hơn 197 nghìn tài khoản, tăng 9% so với năm 2023;

+ Nền tảng khách hàng tổ chức giao dịch qua BSC tiếp tục được chú trọng mở rộng năm 2024, tiêu biểu là các quỹ lớn trên thị trường như VinaCapital, Manulife, Dai-ichi Life, KIM...

2.2. Hoạt động cho vay tài chính:

- *Doanh thu lãi cho vay* của BSC đạt 505,5 tỷ đồng, tăng 13,3% so với thực hiện 2023.

- *Quy mô cho vay*: Tính tại thời điểm 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay đạt 5.200 tỷ đồng, tăng 19% so với cuối năm 2023.

- *Chính sách sản phẩm*: Lãi suất cho vay thị trường chung vẫn ở mức thấp và cạnh tranh chính sách cho vay margin trên thị trường ngày càng gay gắt. Để duy trì mức dư nợ, các chính sách sản phẩm cho vay margin tại BSC vừa phải đảm bảo gia tăng mức cạnh tranh, đồng nghĩa với biên lợi nhuận sẽ giảm nhưng vẫn có thể thúc đẩy gia tăng quy mô và lợi nhuận từ hoạt động cho vay.

- **Tăng cường kiểm soát rủi ro:** BSC luôn chú trọng hoàn thiện các công tác rà soát quy trình và quản trị rủi ro hoạt động cho vay margin, xây dựng phương án kiểm soát rủi ro liên tục đánh giá, quản lý hạn mức theo từng khách hàng, danh mục cho vay và bám sát tình hình thị trường nhằm đảm bảo an toàn vốn. Trong năm 2024, BSC không phát sinh các khoản nợ xấu trong hoạt động cho vay

2.3 Hoạt động Tư vấn tài chính

Thị trường TPDN năm trong 2024 còn tồn tại nhiều khó khăn, phục hồi chậm và thiếu đồng đều. Khối lượng trái phiếu phát hành năm trong 2024 thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước. Lượng trái phiếu đáo hạn trong hai tháng cuối năm 2024 lên đến 66 nghìn tỷ đồng, tạo áp lực dòng tiền của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp BĐS. Do đó, kết quả kinh doanh mảng Tư vấn tài chính của nhiều Công ty chứng khoán chịu ảnh hưởng do nguồn thu phụ thuộc phần lớn vào hoạt động phát hành trái phiếu.

Mặc dù hoạt động Tư vấn tài chính trong năm 2024 vẫn đối mặt với nhiều khó khăn nhưng từ nửa cuối quý II năm 2024 đã cho thấy dấu hiệu khởi sắc. Tổng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành năm 2024 của BSC đạt 15,2 tỷ đồng, tăng 1,4 lần so với mức thực hiện trong năm 2023.

2.4. Hoạt động tự doanh

Thị trường chứng khoán năm 2024 diễn biến phức tạp với nhiều cơ hội cùng rủi ro đan xen. BSC đã thành công trong việc tận dụng tốt các nhịp tăng của thị trường và quản trị rủi ro chặt chẽ trước những đợt giảm điểm. Trong năm 2024, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các tài sản nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) đạt 320,5 tỷ đồng. Trong đó, danh mục cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc nắm bắt tốt các cơ hội và đạt tỷ suất lợi nhuận 22,4%, cao hơn nhiều so với mức tăng của VN-Index (tăng 12%).

3. Các công tác an sinh, xã hội

Bên cạnh việc đẩy mạnh kinh doanh, BSC còn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội, song hành cùng sự phát triển của đất nước. Chắp cánh ước mơ tới trường cho các em nhỏ vùng cao, hàng năm, BSC luôn thực hiện tài trợ xây dựng các công trình trường học, cải thiện cơ sở vật chất tại các điểm trường khó khăn. Trong năm 2024, BSC đã triển khai xây dựng trường mầm non Tổng Trọng, Trạm Tấu, Yên Bái và cải tạo trường tiểu học Chăm Rao, Sơn Nham, Quảng Ngãi, với tổng kinh phí 1,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó, BSC cũng triển khai nhiều chương hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh nhân điều trị tại các cơ sở y tế và cứu trợ khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai,...

4. Các thành tích, giải thưởng

BSC được thị trường ghi nhận, đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, vinh dự nhận được bằng khen từ Bộ Tài chính và các giải thưởng danh giá từ Tạp chí tài chính uy tín trên thế giới:

- Giải thưởng "*Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024*" do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

- Bằng khen "*Đã có thành tích đóng góp trong xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2020-2024*" của Bộ Tài chính.

- Bằng khen “*Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước*” do Bộ Tài chính trao tặng.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

I. Dự báo tình hình thị trường trong năm 2025

1. Triển vọng kinh tế vĩ mô trong năm 2025

Dự báo năm 2025, tăng trưởng kinh tế toàn cầu nhiều khả năng sẽ phục hồi tốt hơn nhờ lãi suất toàn cầu hạ nhiệt do lạm phát đã phần nào được kiểm soát từ cuối quý II/2024. Tuy nhiên, các yếu tố căng thẳng địa chính trị, chủ nghĩa bảo hộ thương mại và biến đổi khí hậu có thể kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu, khiến tình hình kinh tế năm 2025 vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, biến động.

Tại Việt Nam, tuy thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng cũng có những thời cơ mới đã xuất hiện. Quốc hội đã đặt chỉ tiêu tốc độ tăng GDP năm 2025 đạt 8% trở lên, điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ và giải pháp chính sách tiền tệ, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2025 ở mức bình quân khoảng 4-4,5%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối, kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng theo định hướng đề ra ở mức tăng trưởng khoảng 16%.

2. Triển vọng thị trường năm 2025

Các yếu tố thuận lợi và rủi ro tác động tới ngành chứng khoán gồm:

Thuận lợi	Khó khăn
(1) Động lực từ cuộc cách mạng “thể chế, nhân lực, kết cấu” đang tạo ra nền móng vững chắc cho sự phát triển kinh tế, nâng cao sức hấp dẫn của thị TTCK;	(1) Diễn biến khó lường về xung đột địa chính trị giữa các khu vực, đặc biệt ở Trung Đông có thể tiềm ẩn những rủi ro cho TTCK.
(2) Đà hồi phục kinh tế vĩ mô và môi trường lãi suất thấp tạo điều kiện cho dòng vốn vào TTCK;	(2) Rủi ro bất định đối với chính sách về thương mại và thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump đối với Việt Nam.
(3) Triển vọng nâng hạng: Việt Nam đang từng bước giải quyết các vấn đề còn tồn tại nhằm đáp ứng tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi của FTSE.	(3) Cạnh tranh về thị phần sẽ ngày càng gay gắt hơn, phí giao sẽ tiếp tục giảm dần theo xu hướng Zero-fee.
	(4) Áp lực gia tăng tỷ giá trong bối cảnh duy trì nền lãi suất thấp tiếp tục là rào cản gia nhập lại thị trường của dòng vốn ngoại.

II. Định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2025

1. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2025

Trên cơ sở đánh giá triển vọng vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2025, BSC đã xác định hướng phát triển các yếu tố cốt lõi nhằm tạo ra nguồn thu bền vững:

1) **Nâng cao năng lực tài chính:** Tìm kiếm nguồn vốn linh hoạt với chi phí hợp lý, mở rộng nguồn vay vốn nước ngoài đáp ứng cho nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh;

2) Tăng trưởng toàn diện: Đặt mục tiêu phát triển đồng đều tất cả các mảng kinh doanh cốt lõi; tăng cường hợp tác, mở rộng kênh phân phối và đa dạng hóa sản phẩm;

3) Mở rộng quy mô tài sản sinh lời: Đẩy mạnh tăng trưởng quy mô Tổng Tài sản thông qua tăng dư nợ cho vay và quy mô đầu tư các tài sản sinh lời trên cơ sở quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn vốn;

4) Chuyển đổi số: Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái sản phẩm số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng;

5) Hoàn thiện chính sách nhân sự và tiền lương: Rà soát các chính sách để hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ, tạo động lực tốt hơn cho người lao động và phù hợp với mô hình tổ chức mới;

6) Quản trị rủi ro hiệu quả: Tăng cường công tác quản trị rủi ro chặt chẽ và tích cực, theo dõi bám sát tình hình thị trường để kịp thời đối phó với những biến động khó lường ảnh hưởng tới KHKD.

2. Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

BSC đặt mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

- 1) Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt **560 tỷ đồng**, tăng ~9% so với TH2024;
- 2) Đảm bảo hoạt động diễn ra an toàn, hiệu quả; các tỷ lệ cho vay, đầu tư, tỷ lệ vốn khả dụng nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

3. Định hướng hoạt động 2025

(1) Hoạt động môi giới và cho vay:

- Triển khai đồng bộ các giải pháp, từng bước khôi phục vị thế dẫn đầu trong hoạt động môi giới, đa dạng hóa sản phẩm và đẩy mạnh truyền thông; Mở rộng danh mục sản phẩm, phân phối CCQ mở, phân phối/môi giới trái phiếu riêng lẻ;
- Mở rộng nền tảng khách hàng và mạng lưới giao dịch, đa dạng các kênh bán hàng, phát triển khách hàng mới; Nghiên cứu, nâng cao các giá trị cốt lõi như chất lượng sản phẩm, bảo mật, chăm sóc khách hàng;
- Cập nhật chính sách sản phẩm, điều chỉnh chính sách phí và lãi suất cho vay theo xu hướng thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh; Đẩy mạnh quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay, nâng cao chất lượng các khoản cho vay.

(2) Hoạt động tư vấn tài chính:

- Tích cực trong việc tìm kiếm các giao dịch mới của hoạt động tư vấn tài chính, nỗ lực vượt qua khó khăn của thị trường để đạt được mức doanh thu mục tiêu;
- Tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược Hana Securities và BIDV; Nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực tài chính xanh và phát triển bền vững.

(3) Hoạt động đầu tư:

- Đẩy mạnh hiệu quả mảng tự doanh trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn vốn;
- Xem xét tăng đầu tư vào tài sản có độ rủi ro cao hơn với khả năng sinh lợi tốt hơn;
- Hoạt động kinh doanh nguồn đảm bảo thanh khoản cho các hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi trong từng thời điểm.

(4) Công tác quản trị điều hành:

- Hoàn thiện cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của các phòng ban minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của bên liên quan;
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro; Rà soát, cập nhật các chính sách, quy định nhằm đảm bảo quy định pháp luật và theo các chuẩn mực, nguyên tắc quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ; Củng cố, nâng cao kỷ luật lao động, tính tuân thủ quy trình, quy chế trong các hoạt động.

(5) Công tác hoàn thiện hệ thống:

- Hoàn thiện và ban hành các chính sách nhân sự, chính sách động lực phù hợp nhu cầu thực tiễn và tạo động lực thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, sử dụng kết quả làm thước đo, đảm bảo thu nhập của cán bộ phù hợp với mức độ đóng góp và hiệu quả công việc;
- Tăng cường đào tạo nhân sự nhằm phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, sẵn sàng cho sự đổi mới và khuyến khích sự sáng tạo;
- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn an ninh mạng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, chuẩn bị sẵn sàng khi KRX đi vào hoạt động năm 2025. Tiếp tục nâng cấp các phần mềm giao dịch trực tuyến để cung cấp chất lượng dịch vụ tốt nhất tới khách hàng.

(6) Hoạt động quản lý thương hiệu:

- Xây dựng Chiến lược truyền thông phù hợp với từng phân khúc khách hàng và sản phẩm;
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông thương hiệu, vinh danh thương hiệu BSC hoạt động hiệu quả, minh bạch, phát triển bền vững; Tích cực thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Duy Viễn

TỜ TRÌNH**V/v: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của BSC như sau:

I. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2025

Dựa trên việc đánh giá triển vọng kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025, BSC xác định các mục tiêu chủ yếu trong năm 2025 nhằm duy trì sự phát triển bền vững của công ty như sau:

- 1) **Nâng cao năng lực tài chính:** Tìm kiếm nguồn vốn linh hoạt với chi phí hợp lý, mở rộng nguồn vay vốn nước ngoài đáp ứng cho nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh;
- 2) **Tăng trưởng toàn diện:** Đặt mục tiêu phát triển đồng đều tất cả các mảng kinh doanh cốt lõi; tăng cường hợp tác, mở rộng kênh phân phối và đa dạng hóa sản phẩm;
- 3) **Mở rộng quy mô tài sản sinh lời:** Đẩy mạnh tăng trưởng quy mô Tổng Tài sản thông qua tăng dư nợ cho vay và quy mô đầu tư các tài sản sinh lời trên cơ sở quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn vốn;
- 4) **Chuyển đổi số:** Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái sản phẩm số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- 5) **Hoàn thiện chính sách nhân sự và tiền lương:** Rà soát các chính sách để hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ, tạo động lực tốt hơn cho người lao động và phù hợp với mô hình tổ chức mới;
- 6) **Quản trị rủi ro hiệu quả:** Tăng cường công tác quản trị rủi ro chặt chẽ và tích cực, theo dõi bám sát tình hình thị trường để kịp thời đối phó với những biến động khó lường ảnh hưởng tới KHKD.

II. Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

BSC đặt mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

- 1) Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt **560 tỷ đồng**, tăng ~9% so với TH2024;
- 2) Đảm bảo hoạt động diễn ra an toàn, hiệu quả; các tỷ lệ cho vay, đầu tư, tỷ lệ vốn khả dụng nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

III. Đề xuất của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

1. Kế hoạch kinh doanh 2025 của BSC với các chỉ tiêu nêu trên;

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với điều kiện thị trường (mức tăng trưởng và/hoặc quy mô thanh khoản thị trường...) nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *ng*



Ngô Văn Dũng

Số: 337/TTr-BSC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025****Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của BSC như sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đã được BSC công bố thông tin theo quy định đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.bsc.com.vn) bao gồm:

- Báo cáo của Kiểm toán viên (trong đó ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần);
- Bảng tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024;
- Báo cáo thu nhập toàn diện năm 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2024;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2024	Số tiền
1	Tổng tài sản	10.315.055.682.765
2	Vốn chủ sở hữu	5.061.881.530.671
	Trong đó: Vốn Điều lệ	2.230.607.010.000
3	Lợi nhuận trước thuế	515.685.500.462



STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2024	Số tiền
4	Lợi nhuận sau thuế	413.071.438.156

II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Với kết quả kinh doanh năm 2024 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn và với mong muốn đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông BSC, Hội đồng quản trị BSC đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận 2024 theo kế hoạch cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Công thức/ghi chú	PPLNST 2024
I	Lợi nhuận năm 2024		413.071.438.156
II	Lợi nhuận còn lại các năm trước		366.090.851.498
III	Lợi nhuận chưa phân phối	(III) = (I) + (II)	779.162.289.654
IV	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		257.350.000
V	Phương án phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	(1) = III - IV	778.904.939.654
2	Trích lập các quỹ	(2) = (2.1)	31.800.000.000
2.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.1)	31.800.000.000
2.2	Tỷ lệ trích (so với Lợi nhuận chưa phân phối)	(2.2) = (2.1)/(III)	4,08%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau trích quỹ và trả thù lao	(3) = (1) - (2)	747.104.939.654
4	Chi trả cổ tức (*)	(4) = (4.1) x (4.2)	223.060.701.000
4.1	Vốn điều lệ tại 31/12/2024		2.230.607.010.000
4.2	Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)		10%
VI	Tổng lợi nhuận còn lại	(VI) = (3) - (4)	524.044.238.654

Ghi chú: - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nghĩa vụ thuế cũng như lãi tính thuế ước tính của BSC chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán. Trường hợp số thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế, lợi nhuận để lại trên bảng số liệu trên có thể sẽ điều chỉnh lại tương ứng.

- (*): Số liệu này có thể được điều chỉnh, cập nhật theo số lượng cổ phiếu BSI đang lưu hành thực tế tại ngày chốt giao dịch hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức và tình hình xử lý cổ phiếu lẻ.

Đề xuất ĐHQĐD ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phê duyệt

của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Dựa trên kế hoạch lợi nhuận kinh doanh năm 2025 của BSC, Hội đồng quản trị đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Tỷ lệ chi trả: Dự kiến 10%/ mệnh giá cổ phiếu.

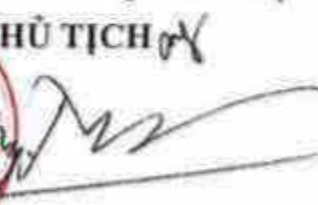
2. Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu. Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi trả phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quyền lợi của cổ đông.

3. Thời gian thực hiện: Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức thành các đợt phù hợp.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Ngô Văn Đông



Số: 338/TT-BSC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC với các nội dung như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện tại	:	2.230.607.010.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	:	22.306.070 cổ phiếu ^(*) (tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Tỷ lệ thực hiện quyền 10%.
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	223.060.700.000 đồng ^(*) (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba tỷ không trăm sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)
Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:	2.453.667.710.000 đồng ^(*)
Mục đích phát hành	:	Tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty

Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)
Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 thì cổ đông A được nhận là $111/10 \times 1 = 11,1$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>
Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2025
Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định.

(*) Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.

II. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty được nêu tại Mục I của Tờ trình này.

2. Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

2.1. Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thực tế.

2.2. Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần).

2.3. Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm: (i) sửa đổi/bổ sung Giấy phép hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (iii) đăng ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành.

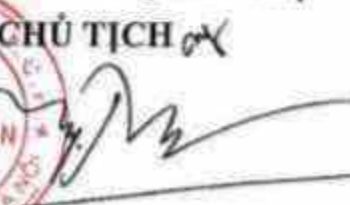
2.4. Quyết định và thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Phương án đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số các công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt!

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Ngô Văn Dũng



TỜ TRÌNH

**V/v: Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2024
và Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông

Liên quan đến Báo cáo thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2024 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 của Công ty cổ phần chứng khoán BIDV (BSC), Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông BSC cụ thể như sau:

1. Báo cáo về việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát của BSC năm 2024

1.1. Đối với Thành viên HĐQT chuyên trách: 2,987 tỷ VND. Trong đó:

- Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: **2,563 tỷ VND** (đã bao gồm thưởng KPI, chưa bao gồm thuế nhà thầu);

- Bà Nguyễn Thanh Huyền – Thành viên chuyên trách HĐQT: **0,424 tỷ VND** (bà Huyền được miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT từ ngày 23/04/2024);

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập và được công bố tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty.

1.2. Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm: 257.350.000 VND. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VND)	Ghi chú
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
2	Ông Lim, Do Kyoan	Thành viên độc lập HĐQT	0	Từ chối nhận thù lao
3	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	41.350.000	Từ ngày 23/04 – 31/12/2024
4	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng BKS	60.000.000	
5	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên BKS	36.000.000	
6	Bà Kang, Hee Joung	Thành viên BKS	0	Từ chối nhận thù lao
Tổng cộng			257.350.000	

2. Dự toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

2.1. Dự toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2025

a. Đối với Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Mức thù lao tối thiểu gồm lương vị trí, không phụ thuộc kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoàn thành nhiệm vụ (KPI) của nhân sự: **1,786 tỷ VND** (tạm quy đổi theo tỷ giá 25.670 VND/USD);

- Mức thù lao tối đa phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và KPI của nhân sự: **2,967 tỷ VND** (với giả định cả Công ty và nhân sự đều hoàn thành 100% KPI). Mức thực tế dựa vào kết quả KPI của Công ty và KPI cá nhân của nhân sự nhưng đảm bảo không vượt quá 2,967 tỷ VND (tạm quy đổi theo tỷ giá 25.670 VND/USD).

Ghi chú: Mức thù lao trên chưa bao gồm thuế Nhà thầu và chênh lệch do thay đổi tỷ giá VND/USD (nếu có);

b. Đối với Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập của BSC.

c. Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS không chuyên trách:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 10.000.000 VND/tháng; |
| - Thành viên HĐQT: | 5.000.000 VND/tháng; |
| - Trưởng Ban Kiểm soát: | 5.000.000 VND/tháng; |
| - Thành viên Ban Kiểm soát: | 3.000.000 VND/tháng. |

***Ghi chú:** Các thành viên HĐQT và thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do HSC đề cử từ chối nhận thù lao.

2.2 Các khoản khen thưởng (nếu có) được hình thành từ lợi nhuận sau thuế (Quỹ khen thưởng phúc lợi), trợ cấp tham gia các cuộc hội họp... thực hiện theo quy định nội bộ của BSC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu VT.



Ngô Văn Dũng



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ và các văn bản quản trị điều hành của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các văn bản về quản trị điều hành của Công ty như sau:

1. Các văn bản về quản trị điều hành của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- c) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung và đề xuất

Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đã trải qua một số lần điều chỉnh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty (về quy mô vốn Điều lệ và tên gọi mới, phù hợp ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị).

Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 phê duyệt. Đến tháng 12/2024, căn cứ khuyến nghị của VNX, HĐQT đã ban hành bản cập nhật các Quy chế trên theo tên gọi mới của Công ty là “Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV”.

Qua quá trình rà soát văn bản, Công ty nhận thấy có một số nội dung văn bản cần sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:



a) Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Cập nhật địa chỉ trụ sở của Công ty theo thông báo thay đổi tên thương mại mới của tòa nhà.

- Phù hợp với thực tiễn tổ chức hoạt động của BSC và điều chỉnh, bổ sung một số từ ngữ, thuật ngữ, cách diễn giải để đảm bảo chính xác, bám sát quy định pháp luật liên quan.

b) Một số điểm sửa đổi chính:

- Cập nhật tên thương mại mới của tòa nhà tại địa chỉ trụ sở của Công ty:

+ Thông tin trụ sở hiện nay: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, phường Trảng Tiễn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

+ Thông tin đề xuất cập nhật: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, phường Trảng Tiễn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

(Thông tin mới về địa chỉ trụ sở của Công ty chỉ được cập nhật tại Điều lệ và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu có) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép)

- Bỏ nội dung hạn chế đối với cổ đông sáng lập (các quy định hạn chế đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực do đã quá thời hạn 03 năm kể từ khi công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động).

- Cập nhật, bổ sung một số nội dung liên quan đến Hội đồng quản trị:

+ Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Bổ sung hình thức trực tuyến (video hoặc tele-conference) của cuộc họp Hội đồng quản trị; Bổ sung một số nội dung liên quan đến tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị.

+ Ghi nhận rõ điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

- Chính sửa, điều chỉnh một số từ ngữ, thuật ngữ, cách diễn giải để đảm bảo bám sát quy định pháp luật liên quan.

** Phụ lục các nội dung sửa đổi chính, toàn văn dự thảo Điều lệ sửa đổi và các Quy chế sửa đổi đính kèm Tờ trình này.*

3. Đề xuất

Trên cơ sở các nội dung trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ:

a) Thông qua các sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ:

- Đối với cập nhật tên thương mại mới của tòa nhà tại địa chỉ trụ sở của Công ty: ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty (và cho phép Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc) triển khai thực hiện các nội dung:

+ Hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc cập nhật địa chỉ trụ sở chính tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật;

+ Cập nhật thông tin mới về địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Điều lệ Công ty và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu cần) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép;

+ Trường hợp (i) Tòa nhà nơi BSC đặt trụ sở chính tiếp tục thay đổi tên thương mại;

hoặc (ii) có sự điều chỉnh địa giới và sắp xếp, đổi tên đơn vị hành chính trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến điều chỉnh thông tin địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Chấp thuận cho Hội đồng quản trị được tiếp tục thực hiện các công việc nêu trên để thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính của BSC theo thực tế.

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác được cập nhật tại bản dự thảo Điều lệ đính kèm.

b) Thông qua các sửa đổi, bổ sung tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV với các nội dung sửa đổi, bổ sung tại các bản dự thảo đính kèm.

c) Giao Người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo các điểm sửa đổi như trên.

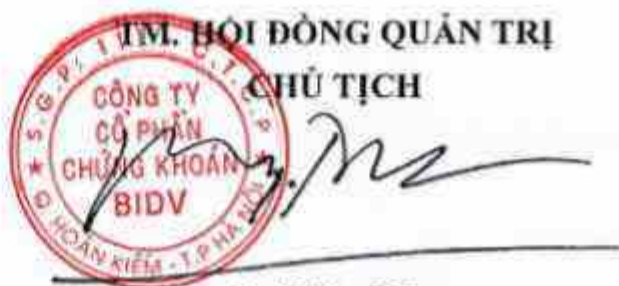
d) Ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định các điều chỉnh cần thiết tại các văn bản trên, bao gồm các sửa đổi không mang tính trọng yếu, các sửa đổi mang tính cập nhật thông tin, các điều chỉnh phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan chức năng, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu VT.



Ngô Văn Dũng



PHỤ LỤC 01: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TẠI ĐIỀU LỆ BSC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Giải thích thuật ngữ	1.1.2. “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều lệ này	1.1.2. “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều lệ này	BSC không phải công ty mới thành lập → đề xuất bỏ nội dung này
2	Điều 1.1.4 và 1.1.5 Giải thích thuật ngữ		Bổ sung định nghĩa về Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2022 và Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2024	
3	Điều 1.1.11 Giải thích thuật ngữ	1.1.11. “Người điều hành doanh nghiệp” là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và <i>người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty (nếu có)</i>	1.1.11. “Người điều hành doanh nghiệp” là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty (nếu có)	Điều lệ BSC không quy định về người điều hành khác → đề xuất bỏ nội dung này
4	Điều 1.1.12 Giải thích thuật ngữ	1.1.12. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD và <i>người quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty (nếu có)</i>	1.1.12. “Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty (nếu có).	Điều lệ BSC không quy định về người quản lý khác → đề xuất bỏ nội dung này Ngoài ra bổ sung thêm chức danh “Kế toán trưởng” vào Người quản lý công ty đảm bảo phù hợp với hoạt động thực tế của BSC; Đồng thời bổ sung thêm tên gọi “Người quản lý” thống nhất với các thuật ngữ “Người quản lý” sử dụng tại Điều lệ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
5	Điều 1.1.14 Sổ đăng ký cổ đông	Không có	1.1.14. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này ghi nhận thông tin sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này	Bổ sung thuật ngữ “Sổ đăng ký cổ đông” theo các nội dung nêu tại Điều 11 Điều lệ
6	Điều 1.1.15 Giải thích thuật ngữ	1.1.15. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ	1.1.15. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là TGD, PTGD, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ	Lý do tương tự Điều 1.1.12
7	Điều 2.4.1 Trụ sở	Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (Nội dung này đã được cập nhật theo giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 04/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/01/2022)	Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội <i>(Thông tin mới về địa chỉ trụ sở chính của Công ty chỉ được cập nhật tại Điều lệ Công ty và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu có) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép)</i>	Điều chỉnh tên trụ sở chính của BSC theo Thông báo thay đổi tên thương mại của Tòa nhà Thaiholdings thành LPB Tower. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua về mặt chủ trương điều chỉnh tên trụ sở chính của BSC (như theo tên sửa đổi tại Điều lệ), và giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty (và <i>cho phép Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc</i>) triển khai thực hiện các nội dung: a. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc cập nhật địa chỉ trụ sở chính tại các cơ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
				quan nhà nước có thẩm quyền như: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, ... và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật. b. Cập nhật thông tin mới về địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Điều lệ Công ty và các tài liệu, văn bản khác của Công ty (nếu có) sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép. c. Trường hợp Tòa nhà nơi BSC đặt trụ sở chính tiếp tục thay đổi tên thương mại, Hội đồng quản trị được tiếp tục thực hiện các công việc tại mục a, mục b nêu trên để thay đổi tên trụ sở chính của BSC.
8	Điều 3.5.3 (Người đại diện theo pháp luật)	3.5.3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và	3.5.3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích,	Sửa lại thống nhất với khoản 5 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty	đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty	
9	Điều 7.4 (Vốn điều lệ Công ty)	7.4. Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định pháp luật	7.4. Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán theo quy định pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định không đáp ứng mức tối thiểu nêu trên, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định pháp luật.	Sửa đổi đảm bảo phù hợp với Điều 175 Nghị định 155/2020/Đ-CP quy định về mức vốn tối thiểu của các nghiệp vụ
10	Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông	11.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói	11.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ	Sửa đổi phù hợp với thực tiễn thực hiện.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì dữ liệu do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lưu giữ sẽ có hiệu lực.	chứng khoán Việt Nam thì dữ liệu do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lưu giữ sẽ có hiệu lực.	
11	Điều 14 (Cổ đông sáng lập)	14.1. Cổ đông sáng lập của Công ty là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam 14.1.1. Mã số doanh nghiệp số: 0100150619 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 1993 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi từng lần. 14.1.2. Trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. 14.1.3. Tại thời điểm cập nhật Điều lệ này, số cổ phần của Công ty mà Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam nắm giữ là		Hiện nay, BSC chỉ có cổ đông sáng lập duy nhất là BIDV. Tuy nhiên BIDV nằm ngoài thời gian hạn chế theo quy định tại Điều 14 này đồng thời để tránh việc phải cập nhật Điều lệ Công ty khi BIDV thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần/số lượng cổ phần sở hữu tại BSC → Đề nghị bỏ quy định này

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		115.923.897 cổ phần, tương ứng với 51,97% Vốn điều lệ của Công ty. Số cổ phần và/hoặc tỷ lệ cổ phần sở hữu của cổ đông sáng lập tại điều khoản này sẽ được tự động cập nhật theo Vốn điều lệ của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật. 14.2. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty: 14.2.1. Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty hoặc chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông khác là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này.		

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		14.2.2. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Các hạn chế của quy định này không được áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của Công ty.		
12	Điều 20.3 (Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	20.3. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	20.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu <i>(trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác)</i> của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Đề xuất bổ sung thêm nội dung “trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác” để làm rõ nội dung cần có trong các văn bản ủy quyền nếu người được ủy quyền muốn ủy quyền lại cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông
13	Điều 20.4 (Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ)	20.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường	20.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp	Bỏ từ “trừ trường hợp” để tránh gây tối nghĩa cho quy định

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		hợp sau đây trừ trường hợp: ...		
14	Điều 23.4.2 (Quyền dự họp và tham gia biểu quyết của cổ đông)	23.4.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông	23.4.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tổ chức hoạt động thông qua cơ chế người đại diện theo pháp luật. Trường hợp người đại diện theo pháp luật không tham gia được thì sẽ ủy quyền cho cá nhân khác theo cơ chế quy định tại Điều lệ này. ⇒ Đề xuất bỏ nội dung này do không cần thiết.
15	Điều 25.1 và Điều 25.2 (Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua)	25.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp ... 25.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 25.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6	25.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp ... 25.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 25.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Trình bày theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2022

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		Điều 148 Luật Doanh nghiệp		
16	Điều 31.2.11. (Quyền và nghĩa vụ của HĐQT)	31.2.11. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và <u>trừ trường hợp</u> hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Sửa lại phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020
17	Điều 31.2.12. (Quyền và nghĩa vụ của HĐQT)	31.2.12. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác,	31.2.12. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, <i>các người quản lý khác và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty và các người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định</i> ; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó	Sửa đổi nội dung này do theo quy định hiện hành của BSC, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm các chức danh giám đốc chi nhánh, trưởng phòng ban trong công ty (và các chức danh này trong Điều 1 không được định nghĩa là Người quản lý Công ty)

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó		
18	Điều 31.2.19 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	31.2.19. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty	31.2.19. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ban/Tiểu ban/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty	Sửa lại để phù hợp với thực tiễn triển khai tại BSC
19	Điều 31.4 (Các phương thức tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị)	Không có	31.4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử, fax, và các phương tiện điện tử khác theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của BSC tại từng thời kỳ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau	Bổ sung để đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị BSC (tham chiếu với thông lệ thị trường)
20	Điều 33.1.5 (Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội	Không có	33.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của	Bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	đồng quản trị)		<i>Công ty mẹ</i>	
21	Điều 35.10 (Tổ chức cuộc Hội đồng quản trị qua phương thức họp trực tuyến)	Không có	<i>35.10. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video hoặc tele-conference) giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:</i> <i>35.10.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và</i> <i>35.10.2. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</i> <i>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, địa điểm họp là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</i>	Bổ sung quy định này đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị BSC (tham chiếu theo thông lệ thị trường)
22	Điều 41 (Tổ chức bộ máy quản lý)	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.	Bỏ nội dung này đảm bảo phù hợp với Điều 1.1.12 Điều lệ Công ty về Người quản lý Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	



PHỤ LỤC 02: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 5.3 (Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ)	5.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Đề xuất bổ sung thêm nội dung “trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác” để làm rõ nội dung căn cứ trong các văn bản ủy quyền nếu người được ủy quyền muốn ủy quyền lại cho người khác dự họp ĐHĐCĐ
2	Điều 5.4 (Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ)	5.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:	Bỏ từ “trừ trường hợp” vì gây tối nghĩa cho quy định
3	Điều 11.2 (yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông)	11.2. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần phải được gửi bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty	Sửa lại phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và Điều 132 Luật doanh nghiệp năm 2020
4	Điều 40, CHƯƠNG 8.	Không có Điều 40. Điều khoản thi hành 40.1. Quy chế này gồm tám (08) Chương, bốn mươi	Bổ sung quy định về điều khoản thi hành như theo hướng dẫn tại

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		(40) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua. 40.2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua. 40.3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến quản trị công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật; Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động quản trị của Công ty.	Quy chế mẫu đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC



PHỤ LỤC 03: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 6 (tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị)	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác; <i>d) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;</i> đ) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.		
2	Điều 9 (Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị)	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:	Sửa đổi do Điều lệ công ty không quy định tỷ lệ khác.
3	Điều 11 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế <i>hoạt động của Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</i> , Quy chế về công bố thông tin của Công ty;	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của <i>các Ban/ Tiểu ban/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị</i> , Quy chế về công bố thông tin của Công ty;	Điều chỉnh phù hợp với thực tiễn triển khai của BSC
4	Khoản 9 Điều 16 (Tổ chức cuộc Hội đồng quản trị)	Không có	9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video hoặc tele-conference) giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang	Bổ sung quy định này đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị (tham chiếu theo thông lệ thị trường)

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	qua phương thức họp trực tuyến)		ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể: a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện	
5	Điều 17 (Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị)	Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị 1. Thẻ thức biểu quyết ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến a) Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một trong bốn (04) phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến gồm:	Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT. 2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến được	Bổ sung này đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị (tham chiếu thông lệ thị trường)

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		- “Tán thành” - thể hiện thành viên HĐQT thống nhất thông qua với toàn bộ vấn đề được lấy ý kiến; - “Không tán thành” - thể hiện thành viên HĐQT không thống nhất thông qua một phần hoặc toàn bộ vấn đề được lấy ý kiến; - “Không có ý kiến” - thể hiện thành viên HĐQT không đưa ra ý kiến biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp lựa chọn phương án biểu quyết này, thành viên HĐQT có trách nhiệm giải thích rõ với HĐQT lý do lựa chọn phương án biểu quyết này tại Phiếu biểu quyết. - “Ý kiến khác” - thể hiện thành viên HĐQT có ý kiến biểu quyết khác so với vấn đề được lấy ý kiến và thành viên HĐQT có quyền yêu cầu báo cáo, bổ sung, giải trình các vấn đề liên quan	<i>địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.</i> 3. Thể thức biểu quyết ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến: a) Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một trong bốn (04) phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến gồm: —— “Tán thành” - thể hiện thành viên HĐQT thống nhất thông qua với toàn bộ vấn đề được lấy ý kiến; —— “Không tán thành” - thể hiện thành viên HĐQT không thống nhất thông qua một phần hoặc toàn bộ vấn đề được lấy ý kiến; —— “Không có ý kiến” - thể hiện thành viên HĐQT không đưa ra ý kiến biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp lựa chọn phương án biểu quyết này, thành viên HĐQT có trách nhiệm giải thích rõ với HĐQT lý do lựa chọn phương án biểu quyết này tại Phiếu biểu quyết. —— “Ý kiến khác” - thể hiện thành viên HĐQT có ý kiến biểu quyết khác so với vấn đề được lấy ý kiến và thành viên HĐQT có quyền yêu cầu báo cáo, bổ sung, giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung xin ý kiến. a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của BSC; mục đích lấy ý kiến; họ, tên của thành viên HĐQT; vấn đề lấy ý kiến;	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		đến nội dung xin ý kiến. b) Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết nào trong bốn (04) phương án nêu trên hoặc không gửi Phiếu biểu quyết hợp lệ về công ty theo đúng thời hạn quy định thì được coi là lựa chọn phương án “Không có ý kiến”. c) Trường hợp thành viên HĐQT đã chọn một trong các phương án biểu quyết nhưng đồng thời có ý kiến bổ sung kèm theo phương án biểu quyết, Thư ký công ty sẽ tổng hợp ý kiến của thành viên HĐQT đó theo phương án biểu quyết đã lựa chọn. 2. Phiếu lấy ý kiến trả lời hợp lệ là Phiếu lấy ý kiến phải được ký hoặc gửi từ thư điện tử cá nhân của các thành viên HĐQT và gửi về Công ty theo quy định, có đánh dấu biểu quyết/ghi nhận rõ ý kiến của thành viên HĐQT đối với vấn đề được lấy ý kiến. Phiếu	<i>phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến, ý kiến khác; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến; Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT</i> <i>b) Thành viên HĐQT chỉ được lựa chọn một trong ba (03) phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến;</i> c) Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết nào trong ba (03) phương án nêu trên hoặc không gửi Phiếu biểu quyết hợp lệ về công ty theo đúng thời hạn quy định thì được coi là lựa chọn phương án “Không có ý kiến”. d) Trường hợp thành viên HĐQT đã chọn một trong các phương án biểu quyết nhưng đồng thời có ý kiến bổ sung kèm theo phương án biểu quyết, Thư ký công ty sẽ tổng hợp ý kiến của thành viên HĐQT đó theo phương án biểu quyết đã lựa chọn kèm ý kiến bổ sung tại Biên bản tổng hợp ý kiến. 4. Phiếu lấy ý kiến trả lời hợp lệ là Phiếu lấy ý kiến phải được ký hoặc gửi từ thư điện tử cá nhân của các thành viên HĐQT và gửi về Công ty theo quy định, có đánh dấu biểu quyết/ghi nhận rõ ý kiến của thành viên HĐQT đối với vấn đề được lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến trả lời bằng một trong hai hình thức nêu trên có giá trị tương đương nhau. 5. <i>Cấp ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT về nội dung</i>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		lấy ý kiến trả lời bằng một trong hai hình thức nêu trên có giá trị tương đương nhau.	<i>xin ý kiến là Ban Điều hành, lãnh đạo Ban/Tiểu ban/Đơn vị trực thuộc HĐQT hoặc đơn vị khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT yêu cầu trong từng trường hợp cụ thể. Người ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm trước HĐQT về đề xuất của mình và tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn của nội dung trình cũng như các tài liệu đính kèm.</i> <i>6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do tổng hợp ý kiến không trung thực, không chính xác.</i> <i>7. Nghị quyết/Quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết/Quyết định thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết/Quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp HĐQT được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</i> <i>8. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị liên quan trong công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản:</i> <i>a) Trong quá trình triển khai xin ý kiến HĐQT bằng</i>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			văn bản, trên cơ sở rà soát hồ sơ xin ý kiến hoặc theo ý kiến của thành viên HĐQT, Thư ký công ty có quyền yêu cầu các đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến và/hoặc các đơn vị có liên quan đến nội dung xin ý kiến cung cấp thông tin, bổ sung tài liệu, báo cáo để làm rõ nội dung xin ý kiến và hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến. Các đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thư ký công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của các thông tin do mình cung cấp b) Đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến có trách nhiệm cung cấp tài liệu xin ý kiến bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh cho Thư ký công ty trong trường hợp cần xin ý kiến thành viên HĐQT là người nước ngoài và/hoặc khi hồ sơ xin ý kiến bao gồm tài liệu bằng tiếng nước ngoài. Nội dung tài liệu xin ý kiến bằng tiếng Việt và tiếng Anh phải đảm bảo đầy đủ, chính xác và đồng nhất về nội dung. Cấp ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. c) Trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, Thư ký công ty có quyền yêu cầu đơn vị đầu mối gửi các tài liệu trong	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			<i>hồ sơ xin ý kiến dưới dạng file điện tử. Đơn vị gửi file điện tử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng nhất về nội dung và đồng dạng giữa tài liệu dưới dạng file điện tử với tài liệu giấy trong hồ sơ xin ý kiến</i> <i>9. Hồ sơ xin ý kiến HĐQT bằng văn bản lưu tại Thư ký công ty bao gồm các tài liệu sau:</i> <i>a) Phiếu lấy ý kiến: bản gốc</i> <i>b) Tài liệu đính kèm Phiếu lấy ý kiến: bản chính</i> <i>c) Các tài liệu bổ sung thông tin, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các thành viên HĐQT (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này: bản chính;</i> <i>d) Biên bản tổng hợp ý kiến: bản gốc</i> <i>e) Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (nếu có): bản chính;</i> <i>f) Các tài liệu khác theo quyết định của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.</i>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
6	Điều 25 (Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH)	Không có	<i>Điều 25. Điều khoản thi hành</i> <i>1. Quy chế này gồm bảy (07) Chương, hai mươi lăm (25) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.</i> <i>2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua</i> <i>3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật; Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty./.</i>	Bổ sung theo mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

I. Lý do sửa đổi bổ sung

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 phê duyệt. Đến tháng 12/2024, căn cứ khuyến nghị của VNX, Ban Kiểm soát đã ban hành bản cập nhật Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy trình kiểm soát theo tên gọi mới của Công ty là “Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV”.

Qua quá trình rà soát văn bản, Ban Kiểm soát nhận thấy có một số nội dung tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát cần sửa đổi, bổ sung nhằm:

- Phù hợp với thực tiễn tổ chức hoạt động của BSC;
- Phù hợp thống nhất với Điều lệ sửa đổi bổ sung của BSC;
- Hiệu chỉnh một số từ ngữ, thuật ngữ, cách diễn giải để đảm bảo chính xác và bám sát với các quy định pháp luật liên quan.

II. Các nội dung sửa đổi, bổ sung

1. Một số điểm sửa đổi chính:

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung liên quan đến điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, theo quy định tại Điều lệ công ty.
- Bổ sung nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm sát tương ứng theo quy định tại Điều lệ công ty.
- Chỉnh sửa, hiệu chỉnh một số từ ngữ, thuật ngữ, cách diễn giải để đảm bảo chính xác và bám sát với các quy định pháp luật hiện tại.

2. Các nội dung sửa đổi chi tiết theo Dự thảo đính kèm tờ trình này.

** Phụ lục các nội dung sửa đổi chính và toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sửa đổi đính kèm Tờ trình này.*

Trân trọng kính trình Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu VT.





PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	CHUNG KHOẢN DIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Khoản 2 Điều 6 (Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát)	2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty	Bỏ quy định này	Trùng với khoản 4 Điều 7 Quy chế hoạt động Ban kiểm soát => Đề nghị bỏ nội dung này
2	Khoản 1, Khoản 3 Điều 8 (Trưởng Ban Kiểm soát)	1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. ... 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ công ty và tại Quy chế này	1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. <i>Trưởng Ban Kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.</i> 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ công ty và tại Quy chế này	Khoản 1: Bổ sung theo quy định tại Điều 55.2 Điều lệ Công ty và điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC Khoản 3: Đã có quy định tại Điều 9 Quy chế này nên không cần nêu lại tại đây
3	Điều 9 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban	1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này.	1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát; 2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung	Sửa lại theo quy định tại Điều 56 Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	Kiểm soát)	2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát. 3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát. 4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. 5. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, đại diện cho Ban Điều hành phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. 6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông. 7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, dễ hiểu và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà	<i>cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</i> <i>3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</i>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		Ban Kiểm soát phải xem xét: 8. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát; 9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát. 10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. Thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác; 11. Chủ trì lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.		
4	Điểm b khoản 1 Điều 10 (Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát)	b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo	b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông	Sửa đổi quy định này đảm bảo phù hợp với khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do <u>Hội đồng quản trị</u> , Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử	đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do <u>Hội đồng quản trị</u> , Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử	
5	Khoản 11 Điều 14 (Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát)	11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông	11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông <u>tại khoản 6 Điều này.</u>	Sửa đổi quy định này để tránh gây nhầm lẫn, mâu thuẫn với khoản 6 Điều 14 Quy chế này
6	Khoản 24, 25, 26 Điều 14 Điều 14 (Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Ban kiểm soát)	Không có	24. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ). 25. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và	Bổ sung theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. 26. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.	
7	CHƯƠNG 9. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Không có	<i>Điều 31. Điều khoản thi hành</i> <i>1. Quy chế này gồm chín (09) Chương, ba mươi một (31) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.</i> <i>2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.</i> <i>3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có</i>	Bổ sung điều khoản thi hành như theo Quy chế mẫu về hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			<i>những quy định mới của Pháp luật; Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty./.</i>	



Số: 342/TTr-BSC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Miễn nhiệm và Bầu thay thế nhân sự tham gia
Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông

Liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu thay thế nhân sự tham gia Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2021 – 2026, Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) BSC cụ thể như sau:

1. Nhân sự tham gia Ban Kiểm soát ở thời điểm hiện tại

Căn cứ phê duyệt của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát của BSC ở thời điểm hiện tại có 03 thành viên gồm: (i) Bà Phạm Thị Thanh Thủy: Trưởng ban, (ii) Bà Kang Hee Joung: Thành viên và (iii) Bà Vũ Minh Châu: Thành viên.

2. Đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát của Bà Kang Hee Joung

Ngày 07/02/2025 Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát của Bà Kang Hee Joung. Theo đó, vì lý do cá nhân, bà Kang Hee Joung xin được từ nhiệm vị trí thành viên Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2021 - 2026.

3. Đề xuất của Hội đồng quản trị BSC

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Bà Kang Hee Joung nêu trên, HĐQT BSC báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

- Miễn nhiệm tư cách Thành viên Ban Kiểm soát đối với **Bà Kang Hee Joung** kể từ ngày 18/04/2025;

- Thực hiện bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2021 – 2026. Hình thức bầu cử: Bầu trực tiếp tại Đại hội, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thay thế Thành viên Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ phê duyệt và quy định pháp luật liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông BSC xem xét, chấp thuận./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng